



KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)
ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC
ĐINH THỊ KIM LAN – HUỖNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập

TOÁN



SACHHOC.COM

TẬP MỘT



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

KHÚC THÀNH CHÍNH (Chủ biên)

ĐINH THỊ XUÂN DUNG – NGUYỄN KÍNH ĐỨC

ĐINH THỊ KIM LAN – HUỖNH THỊ KIM TRANG

Vở bài tập **TOÁN**



TẬP MỘT

Chân trời sáng tạo

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI

Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: TRẦN THANH HÀ – NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ
ĐẶNG THỊ THÚY

Thiết kế sách: THANH THẢO

Trình bày bìa: THÁI HỮU DƯƠNG

Minh họa: ĐAN THANH – THANH THẢO

Sửa bản in: TRẦN THANH HÀ – NGUYỄN THỊ PHƯỚC THỌ
ĐẶNG THỊ THÚY

Chế bản: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

VỞ BÀI TẬP TOÁN 3 – TẬP MỘT (CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)

Mã số: G2BH3T001M22

In bản, (QĐ) khổ 17 x 24 cm.

Đơn vị in: địa chỉ

Cơ sở in: địa chỉ

Số ĐKXB: 593-2022/CXBIPH/5-397/GD

Số QĐXB: .../QĐ- GD - HN ngày ... tháng ... năm 20...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm 20...

Mã số ISBN: Tập một: 978-604-0-31964-7

Tập hai: 978-604-0-31965-4

Lời nói đầu

Quý thầy cô, quý phụ huynh và các em học sinh thân mến.

Để củng cố và rèn luyện các kiến thức, kĩ năng; phát triển năng lực toán học cũng như các phẩm chất cho học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông mới, nhóm tác giả **Chân trời sáng tạo** trân trọng giới thiệu bộ sách **VỞ BÀI TẬP TOÁN** dùng cho cấp Tiểu học.

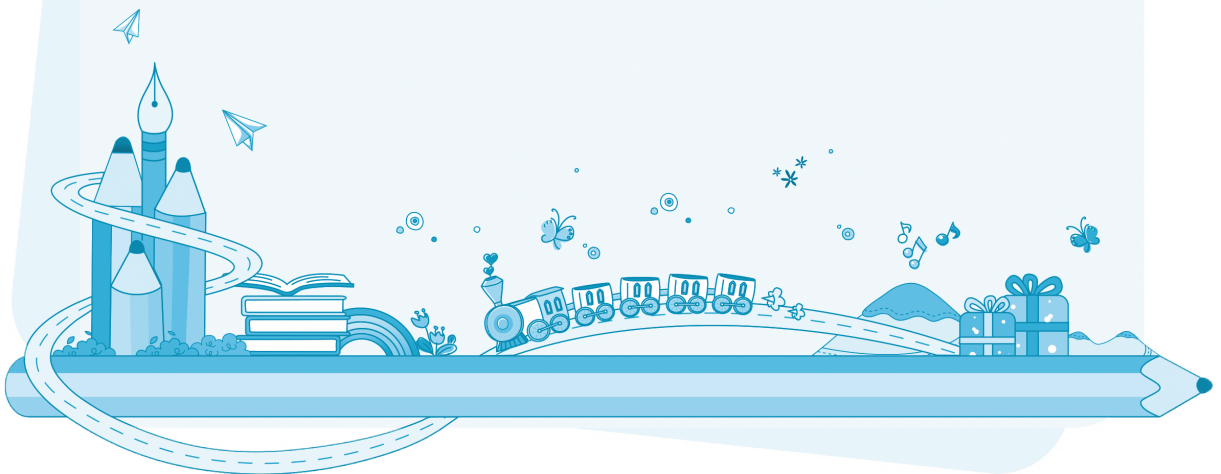
Bộ sách gồm 10 tập, tương ứng với mỗi lớp 2 tập. Trong mỗi tập sách, các nội dung được giới thiệu theo trình tự sách giáo khoa Toán Tiểu học với hệ thống bài tập tự luận, trắc nghiệm đa dạng và phong phú.

Bộ sách này có thể coi như nguồn tư liệu trong quá trình dạy học.

Học sinh có thể dùng **VỞ BÀI TẬP TOÁN** ngay trong buổi học thứ nhất, đặc biệt hữu ích trong các giờ tự học.

Với những tình huống và hình vẽ vui nhộn, gần gũi với cuộc sống, bộ sách tạo điều kiện để học sinh tương tác với sách qua nhiều hình thức (viết, vẽ, tô màu, ...), chúng tôi hi vọng bộ sách này thực sự mang đến niềm vui cho các em khi học toán.

Chân trời sáng tạo



MỤC LỤC

1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG 6

Ôn tập các số đến 1 000	7
Ôn tập phép cộng, phép trừ	9
Cộng nhẩm, trừ nhẩm	11
Tìm số hạng.....	12
Tìm số bị trừ, tìm số trừ.....	13
Ôn tập phép nhân.....	14
Ôn tập phép chia	16
Tìm thừa số	18
Tìm số bị chia, tìm số chia.....	19
Em làm được những gì?	20
Mi-li-mét.....	22
Hình tam giác. Hình tứ giác.....	24
Khối hộp chữ nhật. Khối lập phương	26
Xếp hình	27
Xem đồng hồ	29
Bài toán giải bằng hai bước tính	31
Làm quen với biểu thức.....	33
Tính giá trị của biểu thức	34
Tính giá trị của biểu thức (tiếp theo).....	35
Tính giá trị của biểu thức (tiếp theo).....	36
Làm tròn số.....	37
Làm quen với chữ số La Mã.....	39
Em làm được những gì?	40
Thực hành và trải nghiệm: Làm hộp bút từ vỏ hộp đã qua sử dụng	42

2. PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1 000 43

Bảng nhân 3	44
Bảng chia 3.....	45

Bảng nhân 4	46
Bảng chia 4.....	47
Một phần hai, một phần ba, một phần tư, một phần năm	48
Nhân nhẩm, chia nhẩm	50
Em làm được những gì?	51
Nhân với số có một chữ số trong phạm vi 1 000	52
Nhân với số có một chữ số trong phạm vi 1 000 (tiếp theo).....	53
Phép chia hết và phép chia có dư.....	54
Chia số có hai chữ số cho số có một chữ số	56
Em làm được những gì?	58
Bảng nhân 6	60
Bảng chia 6.....	61
Gấp một số lên một số lần	62
Bảng nhân 7	63
Bảng chia 7.....	64
Bảng nhân 8	65
Bảng chia 8.....	66
Giảm một số đi một số lần.....	67
Bảng nhân 9	68
Bảng chia 9.....	69
Em làm được những gì?	70
Xem đồng hồ	73
Chia số có ba chữ số cho số có một chữ số	75
So sánh số lớn gấp mấy lần số bé.....	78
Điểm ở giữa. Trung điểm của đoạn thẳng.....	79
Hình tròn.....	81
Nhiệt độ. Đo nhiệt độ.....	83
Em làm được những gì?	84
Thực hành và trải nghiệm: Giờ giấc – Thời tiết	86

ÔN TẬP HỌC KÌ 1 88

Thực hành và trải nghiệm: Đo khoảng cách bằng bước chân	100
---	-----

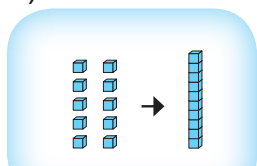
1. ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG



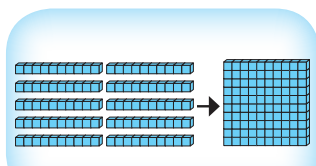
ÔN TẬP CÁC SỐ ĐẾN 1000

1 SỐ?

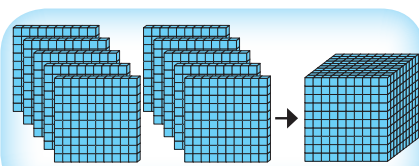
a)



... đơn vị = 1 chục



... chục = 1 trăm



... trăm = 1 nghìn

b)

Diagram showing the decomposition of the number 310 into hundreds, tens, and units.

100, 100, 100 (Hundreds)
10, 10 (Tens)
1, 1, 1 (Units)

↓

Hàng		
Trăm	Chục	Đơn vị
3	...	...

Viết số:

Diagram showing the decomposition of the number 311 into hundreds, tens, and units.

100, 100, 100 (Hundreds)
10, 10 (Tens)
1, 1 (Units)

↓

Hàng		
Trăm	Chục	Đơn vị
...	...	...

Viết số:

2 Viết theo mẫu.

a) Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.

Mẫu: $729 = 700 + 20 + 9$

• $641 = \dots\dots\dots$

• $830 = \dots\dots\dots$

b) Viết tổng thành số.

Mẫu: $200 + 80 + 3 = 283$

• $900 + 60 + 3 = \dots\dots\dots$

• $100 + 1 = \dots\dots\dots$

3 Trò chơi Ai nhanh hơn?

(Theo nội dung trong SGK.)

Viết các số theo yêu cầu của giáo viên:,,,

Viết các số theo thứ tự từ bé đến lớn:,,,

1 Viết theo mẫu.

Đọc số	Viết số	Viết số thành tổng các trăm, chục, đơn vị
Bốn trăm bảy mươi lăm	475	$400 + 70 + 5$
Hai trăm ba mươi một		
.....	814	
.....		$500 + 4$

2 Số?

a)

185	285	385	
			585
			

b)

		372	382
			392
.....	422		

c)

34	45		
23			78
12			

3 Số?

a) 27 hay 23?

a) 280 hay 320?

4 Đúng ghi đ, sai ghi s.

- a) 621 gồm 1 trăm, 2 chục và 6 đơn vị. ☐
- b) 621 gồm 6 trăm, 2 chục và 1 đơn vị. ☐
- c) 162, 216, 612, 621 là các số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn. ☐

ÔN TẬP PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ

Số?

$22 + 15 = \dots$
 $15 + 22 = \dots$
 $37 - 15 = \dots$
 $37 - 22 = \dots$

$22 + 15 = 15 + \dots$

1 Viết theo mẫu.

Mẫu: 40, 70, 30

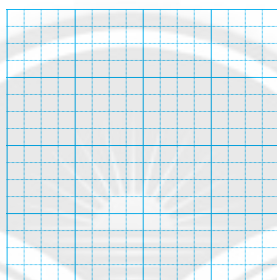
$$40 + 30 = 70$$

$$30 + 40 = 70$$

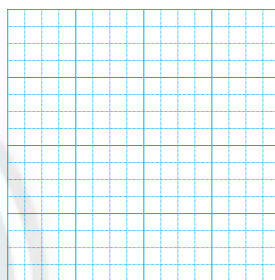
$$70 - 40 = 30$$

$$70 - 30 = 40$$

a) 20, 90, 70

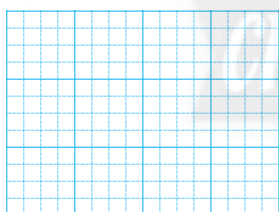


b) 14, 9, 5



1 Đặt tính rồi tính.

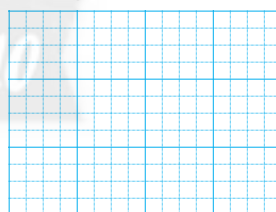
a) 204 + 523



b) 61 + 829



c) 347 - 80



2 Tính.

a) $15 + 6 + 5 = \dots$

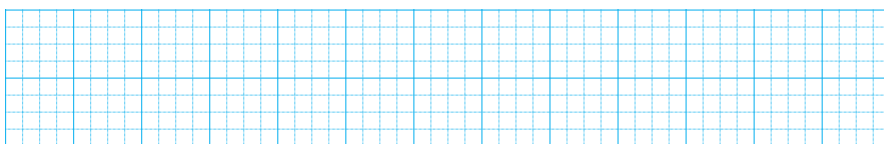
b) $18 + 12 + 17 = \dots$

c) $29 + 5 + 6 = \dots$



Em viết về phép cộng, phép trừ với 0.

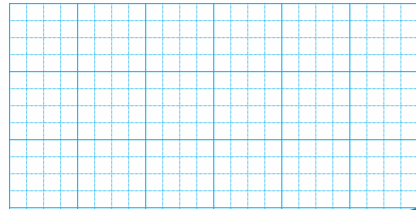
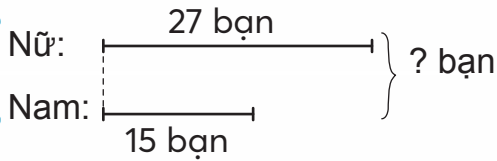
Ví dụ: Hộp thứ nhất có 12 cái kẹo, hộp thứ hai không có cái kẹo nào. Cả hai hộp có $12 + 0 = 12$ (cái kẹo).



3

Tóm tắt

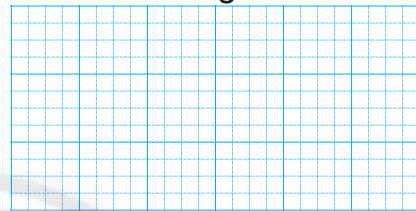
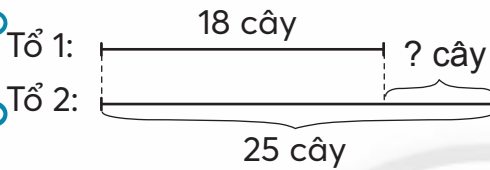
Bài giải



4

Tóm tắt

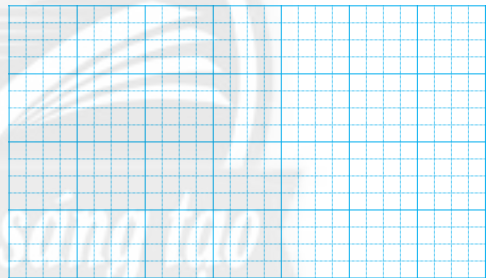
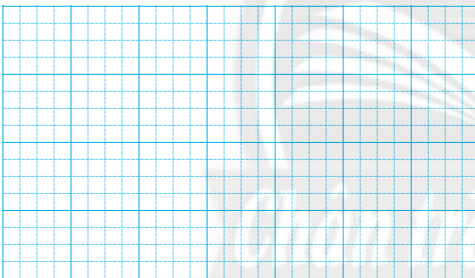
Bài giải



5 Em lập tóm tắt (SHS trang 10).

Bài toán 1

Bài toán 2



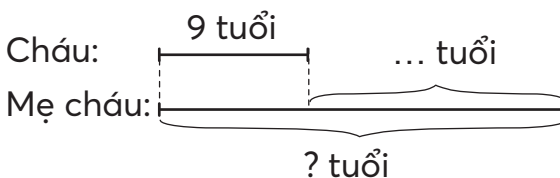
Quan sát hình ảnh rồi tìm tuổi mẹ năm nay.

Số?

Cháu chào đời năm mẹ cháu 32 tuổi.

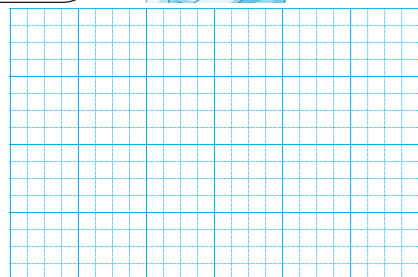
Vậy mẹ hơn cháu tuổi.

Tóm tắt



Năm nay
cháu 9 tuổi.
Mẹ cháu bao
nhiêu tuổi ạ?

Cháu chào
đời năm mẹ
cháu 32 tuổi.



CỘNG NHẨM, TRỪ NHẨM

Viết vào chỗ chấm.

$$50 + 20 = ?$$

$$600 - 400 = ?$$

$$5 \text{ chục} + 2 \text{ chục} = 7 \dots\dots$$

$$50 + 20 = \dots\dots$$

$$6 \text{ trăm} - 4 \dots\dots = \dots\dots$$

$$600 - 400 = \dots\dots$$



Cộng nhẩm

• $54 + 3 = ?$

$$\begin{array}{r} 50 \\ 4 \end{array}$$

$$4 + 3 = \dots\dots$$

$$50 + 7 = \dots\dots$$

• $54 + 30 = ?$

$$\begin{array}{r} 50 \\ 4 \end{array}$$

$$5 \text{ chục} + 3 \text{ chục} = \dots\dots$$

$$54 + 30 = \dots\dots$$

Trừ nhẩm

• $57 - 3 = ?$

$$\begin{array}{r} 50 \\ 7 \end{array}$$

$$7 - 3 = \dots\dots$$

$$50 + 4 = \dots\dots$$

• $84 - 30 = ?$

$$\begin{array}{r} 80 \\ 4 \end{array}$$

$$8 \text{ chục} - 3 \text{ chục} = \dots\dots$$

$$84 - 30 = \dots\dots$$

Tính nhẩm.

1

a) $21 + 8 = \dots\dots$

b) $42 + 20 = \dots\dots$

c) $630 + 50 = \dots\dots$

$6 + 72 = \dots\dots$

$80 + 15 = \dots\dots$

$10 + 470 = \dots\dots$

2

a) $69 - 5 = \dots\dots$

b) $37 - 20 = \dots\dots$

c) $190 - 60 = \dots\dots$

$18 - 7 = \dots\dots$

$92 - 10 = \dots\dots$

$840 - 40 = \dots\dots$

1

Số?

a)

750

+ 40

- 200

b)

60

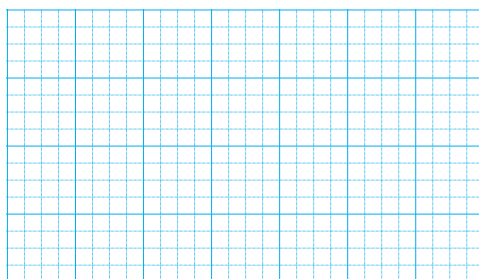
- 70

+ 15

TÌM SỐ HẠNG



Tìm số cá trong túi.



Viết vào chỗ chấm.

$9 + \boxed{?} = 16$

Số hạng

Viết phép tính tìm số hạng chưa biết:

.....

$9 + \boxed{\dots} = 16$

Muốn tìm số hạng chưa biết, ta lấy

1 Số?

a) $\boxed{\dots} + 15 = 42$

b) $61 + \boxed{\dots} = 83$

c) $28 + \boxed{\dots} = 77$

2

Giải bài toán theo tóm tắt sau.

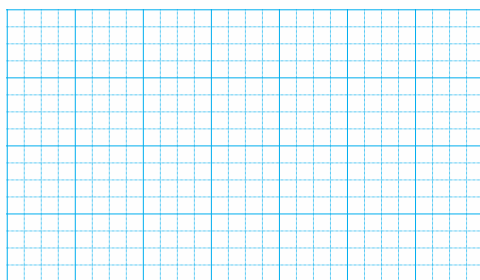
Bài giải

Tóm tắt

Cả nam và nữ: 35 bạn

Nữ: 19 bạn

Nam: ... bạn?



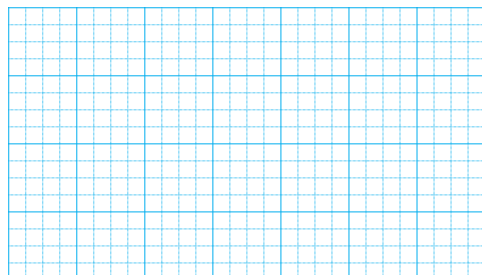
TÌM SỐ BỊ TRỪ, TÌM SỐ TRỪ

Hai chị em đã ăn 8 cái kẹo.



Bây giờ trong hộp còn 28 cái kẹo.

Tìm số kẹo trong hộp lúc đầu.



Viết vào chỗ chấm.

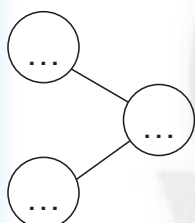
Tìm số bị trừ

$$\boxed{?} - 8 = 28$$

Số bị trừ

.....

.....



Viết phép tính tìm số bị trừ:

$$\boxed{\dots} - 8 = 28$$

Muốn tìm số bị trừ, ta lấy

.....

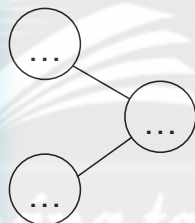
Tìm số trừ

$$36 - \boxed{?} = 28$$

.....

.....

.....



Viết phép tính tìm số bị trừ:

$$36 - \boxed{\dots} = 28$$

Muốn tìm số trừ, ta lấy

.....

Số?

1 a) $\boxed{\dots} - 18 = 23$

b) $\boxed{\dots} - 34 = 51$

2 a) $26 - \boxed{\dots} = 19$

b) $72 - \boxed{\dots} = 40$

1

Số bị trừ	94	63	...
Số trừ	25	...	45
Hiệu	...	12	47

ÔN TẬP PHÉP NHÂN

Viết vào chỗ chấm.



$$3 + 3 + 3 + 3 = 12$$

$$3 \times 4 = 12$$

Thừa số

.....

.....

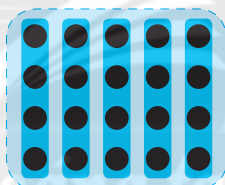
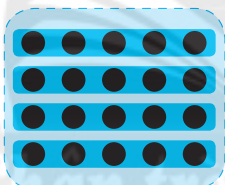
Tổng các số hạng

.....

thì viết được thành
phép nhân.

$$5 \times 4 = ?$$

$$5 \times 4 = \dots$$



$$4 \times 5 = ?$$

$$4 \times 5 = \dots$$

Viết dấu (>, <, =).

$$5 \times 4 \quad \square \quad 4 \times 5$$

1 Số?

a) $2 \times 1 = \dots$

$2 \times 2 = \dots$

$2 \times 3 = \dots$

$2 \times 4 = \dots$

$2 \times 5 = \dots$

$2 \times 6 = \dots$

$2 \times 7 = \dots$

$2 \times 8 = \dots$

$2 \times 9 = \dots$

$2 \times 10 = \dots$

b) $5 \times 1 = \dots$

$5 \times 2 = \dots$

$5 \times 3 = \dots$

$5 \times 4 = \dots$

$5 \times 5 = \dots$

$5 \times 6 = \dots$

$5 \times 7 = \dots$

$5 \times 8 = \dots$

$5 \times 9 = \dots$

$5 \times 10 = \dots$

1 Số?

a) $3 \times 5 = 5 \times \dots$

$7 \times 2 = \dots \times 7$

b) $\dots \times 5 = 5 \times 8$

$2 \times \dots = 4 \times 2$

2 Tính số kẹo có tất cả.

Mẫu:



$$1 + 1 + 1 + 1 = 4$$

$$1 \times 4 = 4$$



$$\dots + \dots + \dots + \dots = \dots,$$

$$\dots \times \dots = \dots$$



.....,

.....

Số? Phép nhân có thừa số bằng 0 thì tích bằng ...

3 Tính nhẩm.

a) $2 \times 3 = \dots$

$6 \times 2 = \dots$

$10 \times 2 = \dots$

$1 \times 2 = \dots$

b) $5 \times 7 = \dots$

$9 \times 5 = \dots$

$5 \times 8 = \dots$

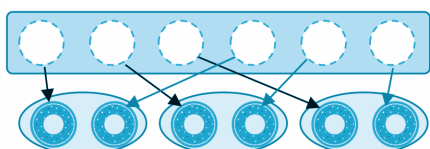
$1 \times 5 = \dots$

ÔN TẬP PHÉP CHIA

Viết vào chỗ chấm.

• Chia thành các phần bằng nhau

Chia đều 6 cái bánh vào 3 đĩa. Mỗi đĩa có ... cái bánh.

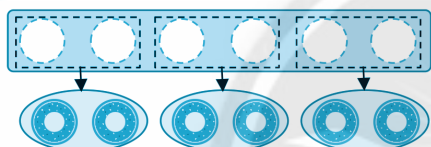


$$6 : 3 = 2$$

Số bị chia

• Chia theo nhóm

Có 6 cái bánh xếp vào các đĩa, mỗi đĩa có 2 cái. Có ... đĩa bánh.



$$6 : 2 = 3$$

• Từ phép nhân ta có ... phép chia.

Có 3 cái đĩa, mỗi đĩa đựng 2 cái bánh. Có tất cả ... cái bánh.

$$2 \times 3 = 6$$

$$6 : \dots = 2$$

$$6 : \dots = 3$$

1 Viết phép nhân, phép chia tương ứng (các phép tính trong bảng nhân, chia 2 hoặc 5).

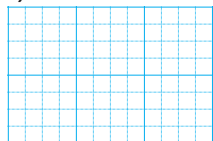
Mẫu: $2 \times 7 = 14$

$45 : 5 = 9$

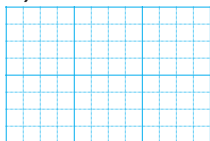
$14 : 2 = 7$

$5 \times 9 = 45$

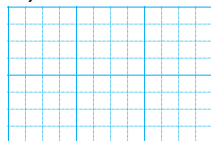
a) $2 \times 6 = 12$



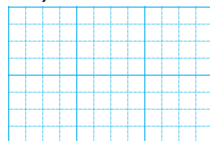
b) $18 : 2 = 9$



c) $5 \times 7 = 35$



d) $40 : 5 = 8$



1 Tính.

a) $12 : 2 = \dots$ $20 : 2 = \dots$ b) $10 : 5 = \dots$ $50 : 5 = \dots$
 $18 : 2 = \dots$ $2 : 2 = \dots$ $45 : 5 = \dots$ $35 : 5 = \dots$

2 Số?

- a) Mỗi ngày Vân đọc 2 trang sách, Vân sẽ đọc xong 20 trang sách trong ngày.
- b) Mỗi ngày Tiến đọc số trang sách như nhau, bạn đọc xong 35 trang sách trong 5 ngày. Mỗi ngày Tiến đọc được trang sách.
- c) Mỗi ngày Thu đọc 5 trang sách. Sau 6 ngày Thu đọc được trang sách.

3 Hình bên là một số miếng dán dùng làm phần thưởng.

Số?

a) Phân loại

Các miếng dán gồm ... loại.

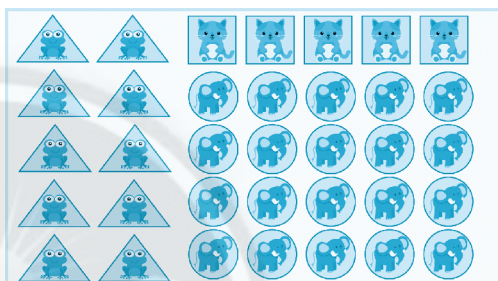
b) Kiểm đếm

- Loại: có miếng.
- Loại: có miếng.
- Loại: có miếng.

c) Tính

Cô giáo thưởng đều các miếng dán cho 5 bạn. Mỗi bạn nhận được:

- miếng loại
- miếng loại
- miếng loại



Số?

Lớp 3C có 20 con thú bông để biểu diễn múa rối tay.

- a) Nếu mỗi bạn điều khiển 1 cặp thú bông thì cần bạn tham gia biểu diễn.
- b) Nếu mỗi bạn điều khiển 5 con thú bông thì cần bạn tham gia biểu diễn.

TÌM THỪA SỐ

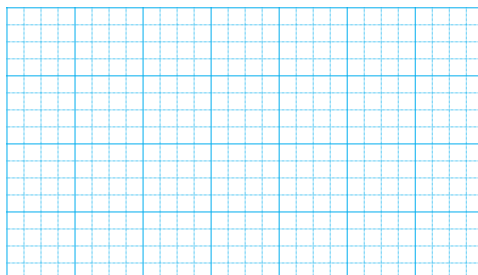
Tìm số bị giọt mực che.

$$2 \times \text{giọt mực} = 14$$



Dựa vào
bảng nhân 2.

Dựa vào
phép chia
tương ứng.



Viết vào chỗ chấm.

$$2 \times \boxed{?} = 14$$

Thừa số

.....

.....

Viết phép tính tìm thừa số chưa biết:

Điền số vào ô trống: $2 \times \boxed{\dots} = 14$

$$2 \times 7 = 14$$

$$14 : \dots = 7$$

$$14 : \dots = 2$$

1 Số?

a) $\boxed{\dots} \times 2 = 20$

b) $2 \times \boxed{\dots} = 18$

c) $5 \times \boxed{\dots} = 20$

1 Số?

Số bánh trong mỗi hộp	2	5	2	...
Số hộp đựng bánh	6	7	...	5
Số bánh có tất cả	...	...	8	30

TÌM SỐ BỊ CHIA, TÌM SỐ CHIA

Tìm số bị bàn tay che.



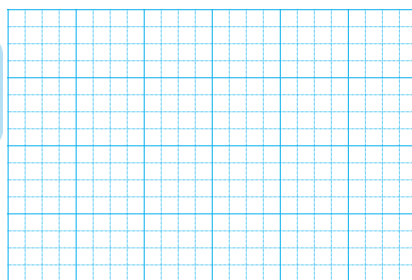
$$: 6 = 2$$

$$12 : = 6$$

$$2 \times 6 = 12$$

$$12 : 2 = 6$$

$$12 : 6 = 2$$



Viết vào chỗ chấm.

Tìm số bị chia

Tìm số chia

$$\boxed{?} : 6 = 2$$

Số bị chia

.....

.....

Viết phép tính tìm số bị chia:

.....

$$\boxed{...} : 6 = 2$$

Muốn tìm số bị chia, ta lấy

.....

$$12 : \boxed{?} = 2$$

.....

.....

.....

Viết phép tính tìm số chia:

.....

$$12 : \boxed{...} = 2$$

Muốn tìm số chia, ta lấy

.....

Số?

1

a) $\boxed{...} : 8 = 2$

b) $\boxed{...} : 9 = 5$

2

a) $18 : \boxed{...} = 2$

b) $25 : \boxed{...} = 5$

1

Các bạn học sinh xếp thành hàng.

Số bạn có tất cả	6	16	35	...
Số bạn mỗi hàng	2	2	...	5
Số hàng	3	...	5	6

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

a) 467 gồm 4 trăm, 6 chục và 7 đơn vị. ☐

b) 599 là số liền trước của 600. ☐

c) 835, 583, 358, 385 là các số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé. ☐

2 Tính nhẩm.

a) $7 + 9 = \dots\dots$

b) $20 + 38 = \dots\dots$

c) $900 - 500 + 200 = \dots\dots$

$12 - 5 = \dots\dots$

$54 - 20 = \dots\dots$

$520 + 70 - 90 = \dots\dots$

$18 - 9 = \dots\dots$

$49 - 40 = \dots\dots$

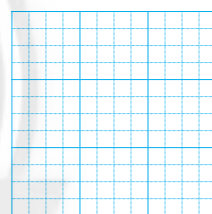
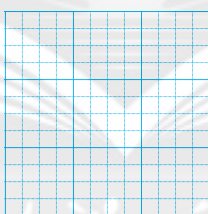
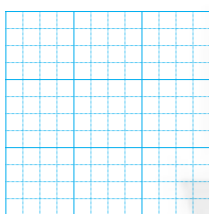
$280 - 60 - 220 = \dots\dots$

3 Đặt tính rồi tính.

a) $185 + 362$

b) $917 - 530$

c) $29 + 305$



4 Số?

a) $\dots - 51 = 43$

b) $207 - \dots = 84$

c) $559 + \dots = 760$

5 Giải các bài toán theo tóm tắt sau.

Tóm tắt

Gà: 61 con

Vịt: 97 con

} ? con

Bài giải

Tóm tắt

Gà: 61 con

Vịt: 97 con

} ? con

Bài giải

6

>, <, =

$6 \times 5 \square 5 \times 6$

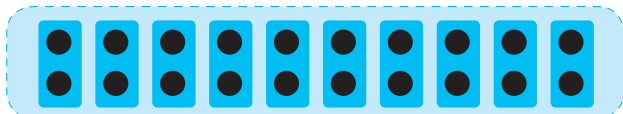
$20 : 2 \square 20 : 5$

$5 \times 4 \square 5 \times 7$

$1 \times 2 \square 1 \times 5$

7

Quan sát hình vẽ, viết một phép nhân và một phép chia.

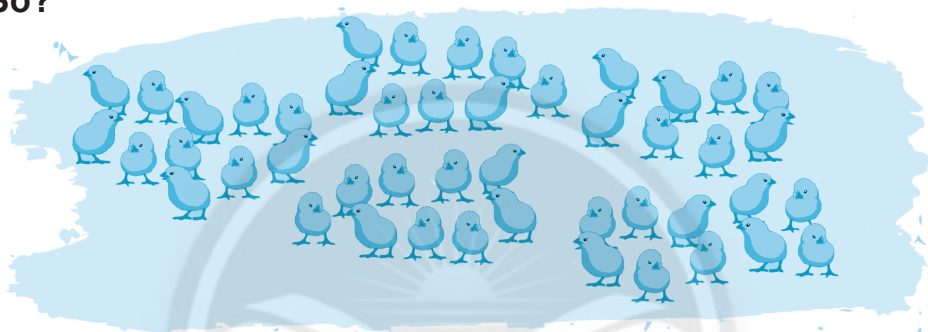


.....
.....

8

Ước lượng rồi đếm.

Số?



Ước lượng: Có khoảng con gà.

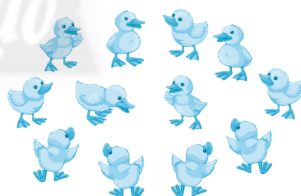
Đếm: Có con gà



Số?

Mỗi xe chở 2 chú vịt.

Để chở cùng lúc hết
các chú vịt ở hình bên,
cần chiếc xe.



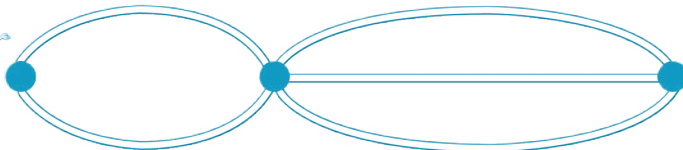
Số?

Có cách để đi từ nhà An đến nhà bà.

Em dùng bút màu vẽ các đường đi.



Nhà An



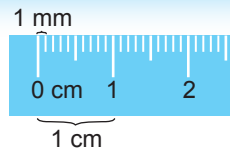
Nhà bà

MI-LI-MÉT

Viết vào chỗ chấm.

Mi-li-mét là một đơn vị đo

Mi-li-mét viết tắt là



$$1 \text{ cm} = \dots\dots \text{ mm}$$

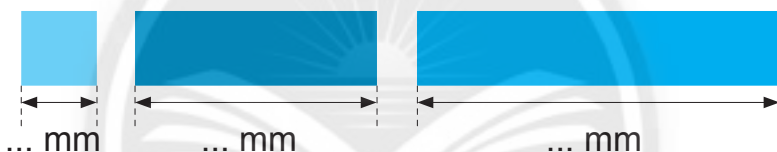
$$10 \text{ mm} = \dots\dots \text{ cm}$$

1



2 Số?

a) Đo độ dài mỗi mảnh giấy.



b) Tính tổng độ dài ba mảnh giấy.

$$\dots\dots \text{ mm} + \dots\dots \text{ mm} + \dots\dots \text{ mm} = \dots\dots \text{ mm}$$

hay $\dots\dots \text{ cm}$

Đo chiều dài cả ba mảnh giấy: $\dots\dots \text{ cm}$.

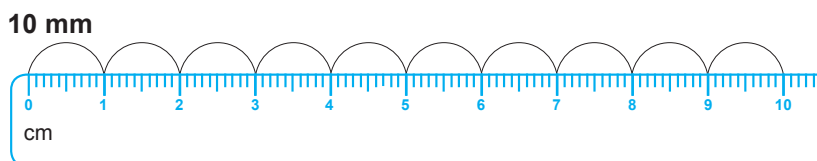
3 Tìm hiểu quan hệ giữa mét, đề-xi-mét và mi-li-mét.

Số?

a) $1 \text{ dm} = \text{?} \text{ mm}$

$$1 \text{ dm} = \dots\dots \text{ cm}$$

Đếm thêm 10 mm.

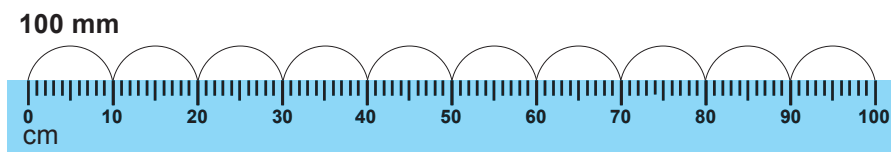


$$1 \text{ dm} = \dots\dots \text{ mm}$$

b) $1 \text{ m} = ? \text{ mm}$

$1 \text{ m} = \dots\dots \text{ dm}$

Đếm thêm 100 mm.



$1 \text{ m} = \dots\dots\dots \text{ mm}$

1 Số?

a) $1 \text{ cm} = \dots\dots \text{ mm}$

b) $30 \text{ mm} = \dots\dots \text{ cm}$

$5 \text{ cm} = \dots\dots \text{ mm}$

$80 \text{ mm} = \dots\dots \text{ cm}$

2 Số?

a) $3 \text{ mm} + \dots \text{ mm} = 1 \text{ cm}$

b) $16 \text{ mm} + \dots \text{ mm} = 3 \text{ cm}$

3 Viết vào chỗ chấm: mm, cm, dm hay m.

a) Chiếc bút chì dài khoảng 15

b) Cột đèn đường cao khoảng 8

c) Cuốn sách Toán 3 dày khoảng 5

d) Gang tay cô giáo em dài khoảng 2

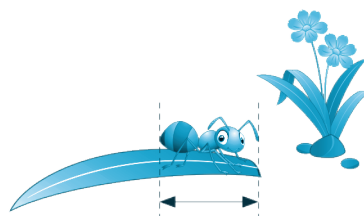
4 Viết vào chỗ chấm: lớn hơn, bé hơn hay bằng.

Ước lượng: Chiều dài con kiến này

..... 1 cm.

Đo: Chiều dài con kiến này

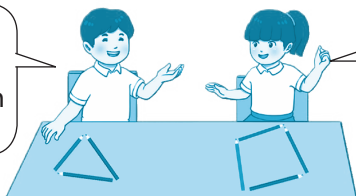
..... 1 cm.



HÌNH TAM GIÁC. HÌNH TỨ GIÁC

Viết vào chỗ chấm.

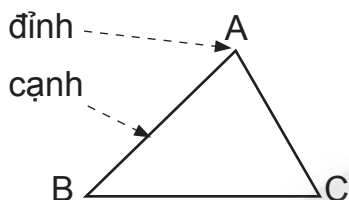
Tớ dùng
3 cái bút
để xếp hình
tam giác.



Tớ dùng 4 cái bút
để xếp hình tứ giác.

Hình tam giác có ... cạnh.

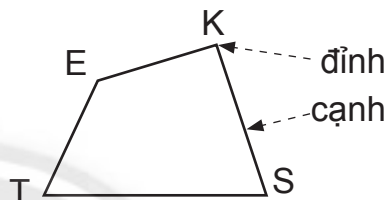
Hình tứ giác có ... cạnh.



Hình tam giác ABC có:

... đỉnh: A, ..., ...

... cạnh: AB,,



Hình tứ giác EKST có:

... đỉnh: ..., ..., ..., ...

... cạnh:,,,

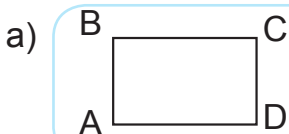
1 Quan sát mẫu. Đúng ghi ☐ đ, sai ghi ☐ s.



Hình vuông GHIK

có 4 đỉnh: G, H, I, K

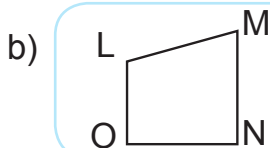
và 4 cạnh: GH, HI, IK, KG.



Hình chữ nhật ABCD

có 4 đỉnh A, B, C, D

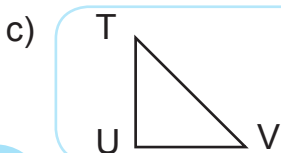
và 4 cạnh: AB, BC, CD, DA.

☐
☐


Hình tứ giác LMNO

có 4 đỉnh L, M, N, O

và 4 cạnh LM, MN, NL, LO.

☐
☐


Hình tam giác TUV

có 4 đỉnh T, U, V

và 3 cạnh TU, UV, VT.

☐
☐

Viết vào chỗ chấm (số cạnh và màu *xanh*, *xám* hay *đen*).

1

a)



Hình thay vào .?.

có ... cạnh, hình đó màu

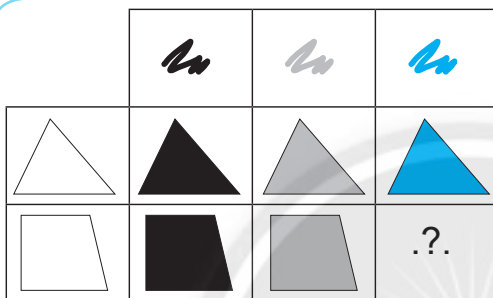
b)



Hình thay vào .?.

có ... cạnh.

2



Hình thay vào .?.

có ... cạnh, hình đó màu



Viết vào chỗ chấm.

Tên một loại lương thực
có từ *tam giác*:

.....



Cánh đồng *tam giác mạch* (Hà Giang)

Tứ giác Long Xuyên là nơi
trồng nhiều lúa ở nước ta.
Viết tên các địa danh tại các
đỉnh của tứ giác Long Xuyên.

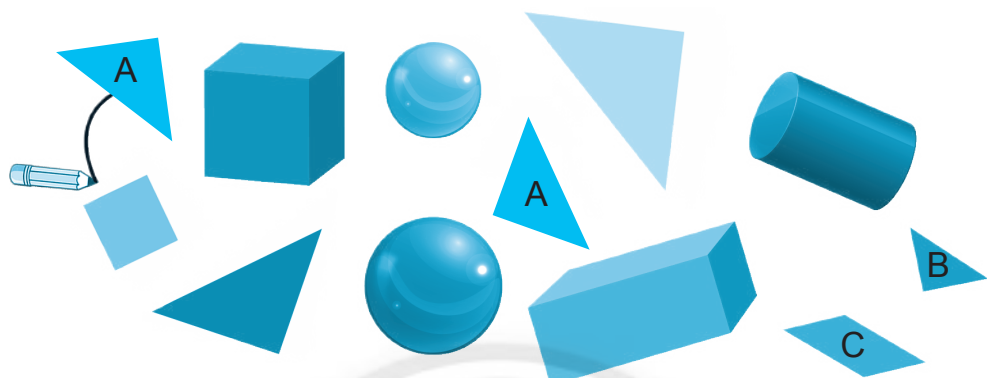
.....
.....



26

XẾP HÌNH

1 Nói các hình phẳng (theo mẫu).



Kể tên các hình phẳng, các hình khối ở trên.

2 Các hình sau được ghép bởi các hình A, B, C trong bài 1 .

Viết A, B hoặc C vào mỗi hình dưới đây.

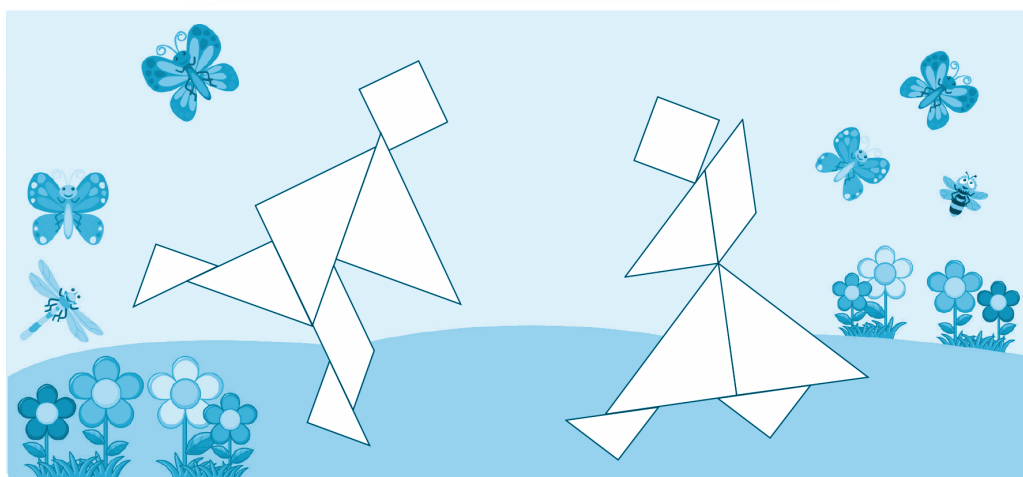
a)



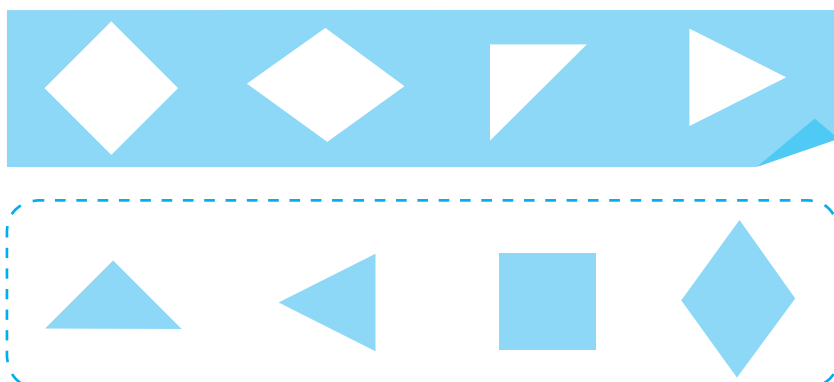
b)



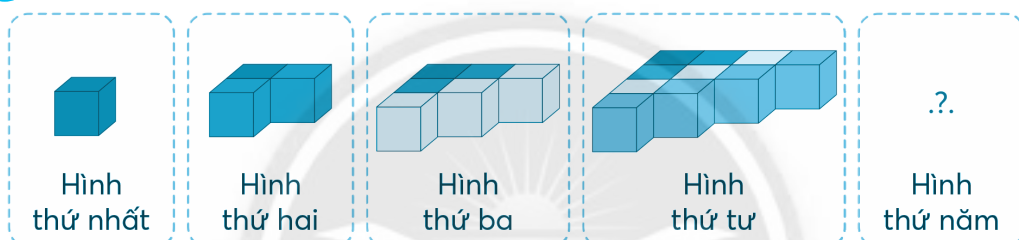
3 Xếp hình học sinh vui chơi.



1 Nối mỗi mảnh giấy ở hàng dưới vừa với ô trống trên tờ giấy.



2 Số?

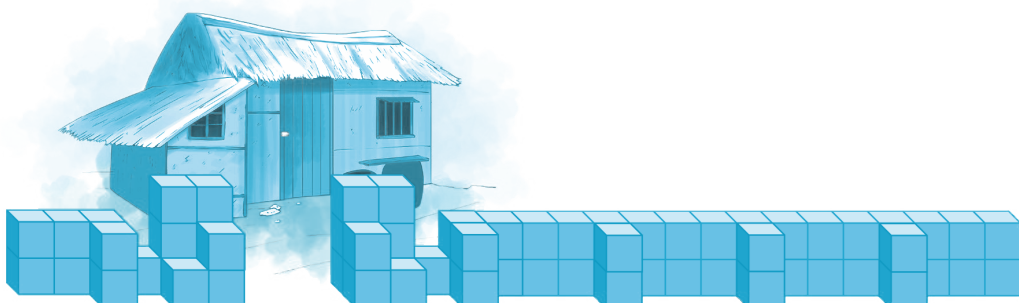


Hình thứ năm có khối lập phương.



Số?

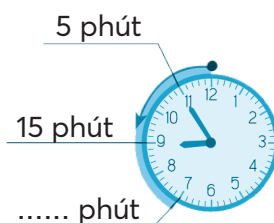
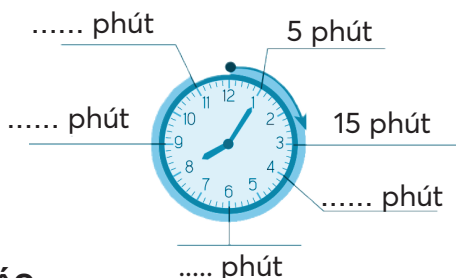
Cần khối lập phương để xếp hình tường rào dưới đây



Tìm vị trí tỉnh Hà Giang trên bản đồ Việt Nam (SGK trang 96).

XEM ĐỒNG HỒ

Đếm thêm 5 theo chiều mũi tên rồi viết số vào chỗ chấm.



Số?



8 giờ 5 phút



... giờ phút



... giờ phút
hay ... giờ rưỡi



8 giờ 35 phút hay
9 giờ kém 25 phút



... giờ phút hay
... giờ kém phút



... giờ phút hay
... giờ kém phút

1 Viết cách đọc giờ.

.....



hay.....

.....



hay.....

.....



.....

2 Vẽ kim phút để phù hợp cách đọc giờ.

a) 3 giờ 25 phút



b) 7 giờ 50 phút



c) 11 giờ kém 20 phút



1 Nói đồng hồ phù hợp với cách đọc.



3 giờ kém 15 phút

3 giờ 15 phút



10 giờ 5 phút

10 giờ 25 phút



2 Viết cách đọc giờ.



5 giờ
30 phút



.....
.....
.....



.....
.....
.....



.....
.....
.....



.....
.....
.....

3 Nói các đồng hồ chỉ cùng thời gian buổi tối.



4 Số?

a) Chúng em bắt đầu liên hoan văn nghệ lúc giờ phút và kết thúc lúc giờ kém phút.

Bắt đầu



20 - 11

Kết thúc



b) Buổi liên hoan văn nghệ kéo dài trong phút.

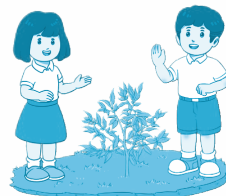
Dùng mô hình đồng hồ đếm thêm 5 phút.



BÀI TOÁN GIẢI BẰNG HAI BƯỚC TÍNH

Hoàn thành tóm tắt và bài giải (chọn một trong hai cách).

Tổ 1 trồng được 8 cây, tổ 2 trồng được nhiều hơn tổ 1 là 4 cây. Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây?



Tóm tắt

Tổ 1: $\overbrace{\hspace{4cm}}^{\text{... cây}}$
 Tổ 2: $\overbrace{\hspace{4cm}}^{\text{... cây}}$ } ? cây

Bài giải

Số cây tổ ... trồng được là:

Số cây trồng được là:

Đáp số:

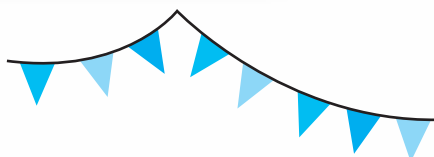
Bài giải

Tổ ... trồng được cây.

Cả hai tổ trồng được

1 Hoàn thành tóm tắt và giải bài toán.

Tuấn cắt được 14 lá cờ. Thu cắt được ít hơn Tuấn 5 lá cờ. Hỏi cả hai bạn cắt được bao nhiêu lá cờ?

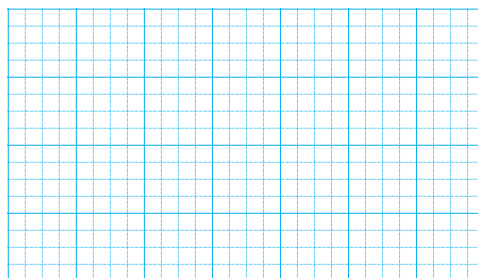


Tóm tắt

Tuấn: $\overbrace{\hspace{4cm}}$

Thu: $\overbrace{\hspace{4cm}}$

Bài giải



Tóm tắt và giải bài toán.

1

Ở quê em có nhiều nhà nuôi ong mật. Trong vườn nhà ông ngoại có 71 thùng ong, vườn của cậu Út ít hơn vườn của ông 16 thùng. Hỏi trong cả hai khu vườn có bao nhiêu thùng ong mật?



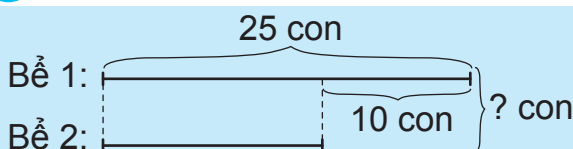
2

Anh Minh đã lát được 27 viên gạch, bác Dũng lát được nhiều hơn anh Minh 14 viên gạch. Hỏi cả hai người đã lát được bao nhiêu viên gạch?

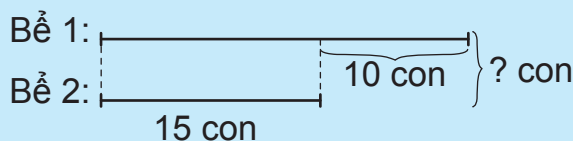


3

Nối cách giải phù hợp với tóm tắt.



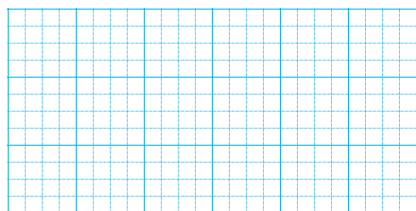
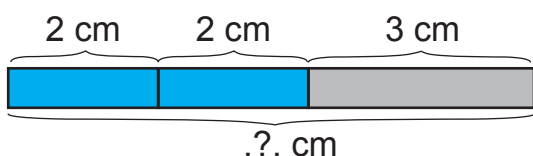
- Tìm số con cá ở bể 1.
- Tìm tổng số con cá ở hai bể.



- Tìm số con cá ở bể 2.
- Tìm tổng số con cá ở hai bể.

LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC

Tính tổng độ dài ba mảnh giấy.



Viết vào chỗ chấm.

• Biểu thức

$60 - 24$; $170 + 65$; 5×4 ; $16 : 2$; $2 + 2 + 3$; $2 \times 2 + 3$

là các

• Giá trị của biểu thức

$60 - 24 = 36$. Giá trị của biểu thức là

$2 + 2 + 3 = 7$ $2 + 2 + 3$ là

1 Tính giá trị của biểu thức rồi viết theo mẫu.

Mẫu: $26 + 35 = 61$

Giá trị của biểu thức $26 + 35$ là 61.

a) $187 - 42 = \dots\dots$



b) $30 : 5 = \dots\dots$



c) $70 - 50 + 80 = \dots\dots$



1 Tính giá trị của biểu thức.

a) $384 + 471 = \dots\dots$ b) $742 - 42 + 159 = \dots\dots$ c) $2 \times 4 \times 5 = \dots\dots$

2 Nối giá trị phù hợp với biểu thức.

$43 + 72$

$75 - 28$

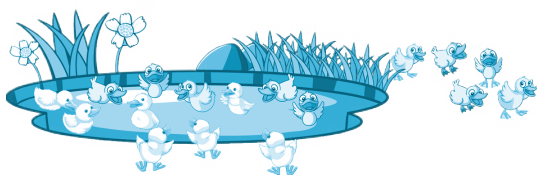
$80 + 16 - 22$

74

115

47

TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC



Viết dấu phép tính thích hợp.

Lúc đầu trong hồ có **14** con.

Sau đó có **5** con lên bờ: 14

5

Có **3** con khác xuống hồ:

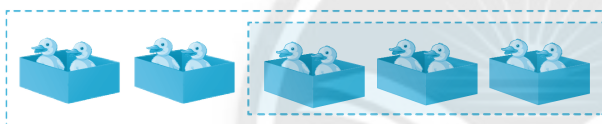
14 5 3

Viết vào chỗ chấm.

Nếu trong biểu thức **chỉ có các phép tính cộng, trừ** thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự

$$14 - 5 + 3 = \dots + 3$$

Viết dấu phép tính thích hợp.



Xếp đều **10** con vịt vào

5 hộp, lấy **3** hộp như thế.

10 5 3

Nếu trong biểu thức **chỉ có các phép tính nhân, chia** thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự

$$10 : 5 \times 3 = \dots \times 3$$

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) $82 + 13 - 76$

A blank grid for drawing a number line. The grid is 10 units wide and 10 units high. The first two columns are shaded light blue. The first two rows are shaded light blue. The grid is used for drawing a number line.

b) $547 - 264 - 200$

A blank grid for drawing a picture, consisting of 10 columns and 10 rows of squares. The grid is divided into four quadrants by a vertical line after the 5th column and a horizontal line after the 5th row. To the left of the grid, there are two sets of three horizontal lines, one set above the top row and one set below the bottom row, indicating where to write the number of rows and columns.

c) $2 \times 3 \times 5$



Two empty 10x10 grids for drawing.

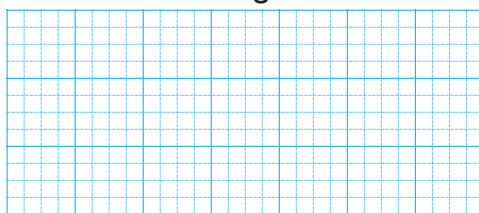
d) $16 : 2 : 2$

A blank grid for drawing a picture. The grid is 10 units wide and 10 units high. On the left side, there are two sets of double horizontal lines, one at the top and one at the bottom, indicating where to draw the eyes and mouth.

2

Mỗi thùng sơn đỏ nặng 2 kg, mỗi thùng sơn xanh nặng 5 kg. Hỏi 4 thùng sơn đỏ và 1 thùng sơn xanh nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài giải



TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC (tiếp theo)

Có bao nhiêu cuộn rơm?



Viết dấu phép tính thích hợp.

$$2 \square 5 \square 3$$

Viết vào chỗ chấm.

Biểu thức có các phép tính **cộng, trừ, nhân, chia**:
ta thực hiện các phép tính trước;
rồi thực hiện các phép tính sau.

$$2 + 5 \times 3 = 2 + \dots\dots$$

$$= \dots\dots$$

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) $80 - 2 \times 7$

$$=$$

$$=$$

b) $35 + 12 : 2$

$$=$$

$$=$$

c) $45 : 5 - 9$

$$=$$

$$=$$

2 Đúng ghi đ, sai ghi s.

a) $70 - 15 + 35 = 90$

☐

b) $50 : 5 \times 2 = 20$

☐

c) $8 + 2 \times 5 = 50$

☐


Số?

Bên ngoài khay: ... quả.

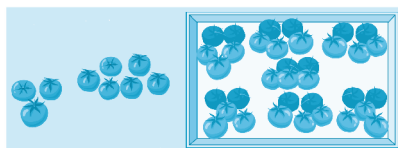
Ở trong khay: ... $\times$... quả.

Viết dấu phép tính rồi tính giá trị của biểu thức:

$$9 \square 5 \square 7 =$$

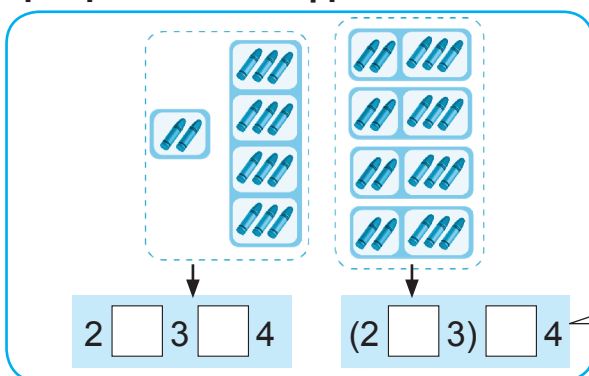
$$=$$

Có tất cả quả cà chua.



TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC (tiếp theo)

Viết dấu phép tính thích hợp.



Biểu thức có dấu ngoặc.

1 Tính giá trị của biểu thức.

a) $80 - (30 + 25)$

=

=

b) $(72 - 67) \times 8$

=

=

c) $50 : (10 : 2)$

=

=

2

Để chuẩn bị quà tặng cho các bạn có hoàn cảnh khó khăn, Trang xếp vào mỗi túi 1 quyển truyện và 4 quyển vở. Hỏi 10 túi như vậy có bao nhiêu quyển truyện và vở?



Bài giải



thử thách

Na nói với Bi: “Tớ đã mua trứng 2 lần, mỗi lần 3 vỉ trứng gà và 1 vỉ trứng vịt”.

Khoanh vào chữ đứng trước biểu thức giúp Na tính số vỉ trứng đã mua.

A. $3 \times 1 \times 2$

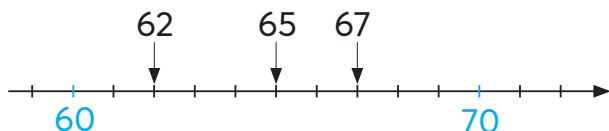
B. $3 + 1 \times 2$

C. $(3 + 1) \times 2$

LÀM TRÒN SỐ

Làm tròn số đến hàng chục

Số?



- Các số 61, 62, 63, 64 gần số tròn chục 60 hay 70 hơn? (.....)

Chữ số hàng đơn vị của các số này đều bé hơn 5.

61, 62, 63, 64 →

Làm tròn số đến hàng chục

- Các số 65, 66, 67, 68, 69 gần số tròn chục 60 hay 70 hơn? (.....)

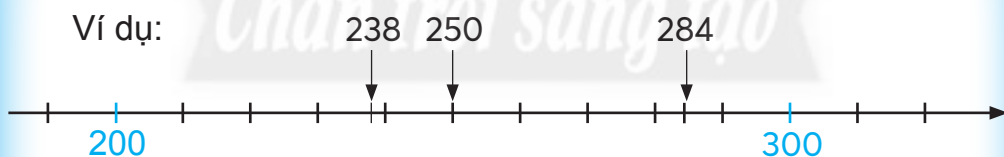
Chữ số hàng đơn vị của các số này đều bằng 5 hoặc lớn hơn 5.

65, 66, 67, 68, 69 →

Làm tròn số đến hàng chục

Làm tròn số đến hàng trăm

Ví dụ:



- Số 238 gần số tròn trăm 200 hay 300 hơn? (.....)

Chữ số hàng chục của số này bé hơn ...

217, 225, 238, 241 →

Làm tròn số đến hàng trăm

- Số 284 gần số tròn trăm 200 hay 300 hơn? (.....)

Chữ số hàng chục của số này lớn hơn ...

254, 267, 275, 284, 296 →

Làm tròn số đến hàng trăm

1 Làm tròn số đến hàng chục.

- a) Làm tròn các số 41, 42, 43, 44 đến hàng chục thì được số
b) Làm tròn các số 75, 76, 77, 78, 79 đến hàng chục thì được số

2 Làm tròn số đến hàng trăm.

- a) Làm tròn các số 814, 826, 835, 847 đến hàng trăm thì được số
b) Làm tròn các số 152, 168, 170, 189, 191 đến hàng trăm thì được số

1 Số?

- a) Làm tròn số 53 đến hàng chục thì được số
b) Làm tròn số 95 đến hàng chục thì được số
c) Làm tròn số 620 đến hàng trăm thì được số
d) Làm tròn số 974 đến hàng trăm thì được số

2 Đúng ghi đ, sai ghi s.

Tính từ vị trí biển báo:

- a) Khoảng 200 km nữa thì đến thành phố Lào Cai. ☐
b) Khoảng 100 km nữa thì đến thành phố Yên Bái. ☐
c) Khoảng 50 km nữa thì đến thành phố Việt Trì. ☐
d) Khoảng 10 km nữa thì đến thành phố Vĩnh Yên. ☐



Số?

Làm tròn số 352 đến hàng trăm thì được số



Số?

- Quãng đường từ nhà em đến quê nội dài km.
Làm tròn số đến hàng chục thì được khoảng km.
– Quãng đường từ nhà em đến quê ngoại dài km.
Làm tròn số đến hàng chục thì được khoảng km.

LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ

Số?

- Một số chữ số La Mã thường dùng:

I: một V: năm X: mười

- Các số La Mã từ 1 đến 20:

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

XI	XII	XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

1 a) Viết cách đọc số.

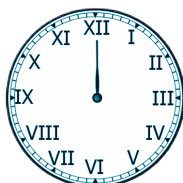
Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số	Viết số	Đọc số
I	một	I		IV		IX	
V	năm	II		V		X	
X	mười	III		VI		XI	

- b) Đọc các số. VII, VIII
XII, XIII, XIV, XV, XVI, XVII, XVIII
XIX, XX

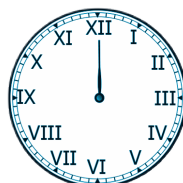
2 Vẽ kim giờ phù hợp với cách đọc giờ.



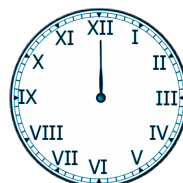
a) 4 giờ



b) 8 giờ



c) 7 giờ



d) 12 giờ

1 Viết các số bằng chữ số La Mã.

a)

1	5	10
I	...	...

b)

1	2	3	11	12	13
...	...	...	...	...	...

c)

4	6
...	...

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Số *bảy trăm linh hai* được viết là:

A. 7 002

B. 720

C. 702

b) Số 850 được viết thành tổng các trăm, chục, đơn vị là:

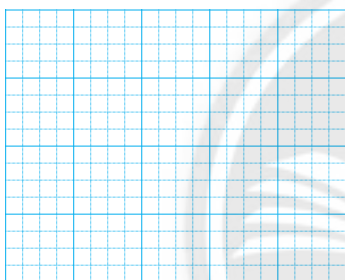
A. $800 + 50$

B. $8 + 50$

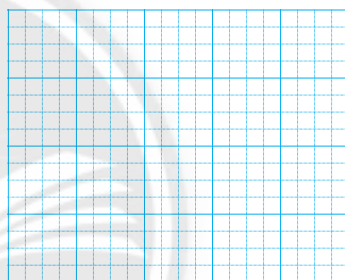
C. $8 + 5 + 0$

2 Đặt tính rồi tính.

a) Tổng của 571 và 264.

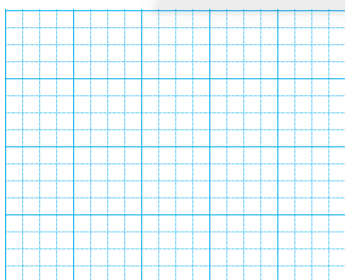


b) Hiệu của 571 và 264

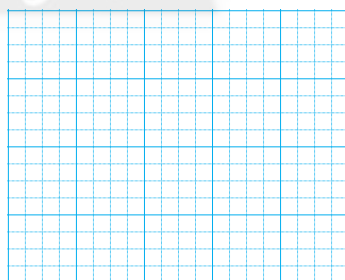


3 Tính giá trị của biểu thức.

a) $30 + 20 : 5$



b) $2 \times (780 - 771)$



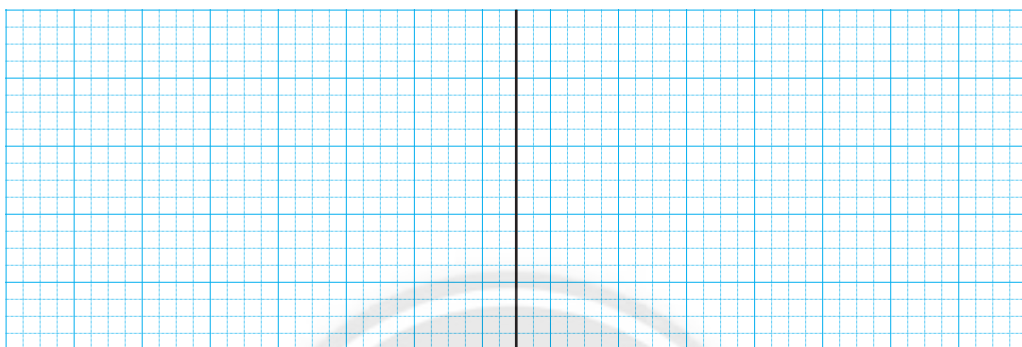
4 Số?

a) Mỗi bông hoa có 5 cánh hoa. Vậy 8 bông hoa có cánh hoa.

b) Có 12 chiếc đĩa như nhau, như vậy có đôi đĩa.

5

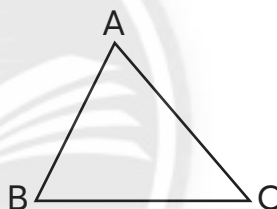
Bà sinh mẹ năm 25 tuổi. Mẹ sinh Tâm năm mẹ 30 tuổi. Năm nay Tâm 9 tuổi. Hỏi năm nay bà bao nhiêu tuổi?

6 **Viết vào chỗ chấm.**

Tam giác ABC có:

3 đỉnh là: ..., ..., ...

3 cạnh là:,,

7 a) **Số?**

km	m	dm	cm	mm
1 km = m	1 m = dm = cm = mm	1 dm = cm = mm	1 cm = mm	1 mm

b) **Sắp xếp các số đo sau theo thứ tự từ lớn đến bé:**

2 m, 1 km, 300 cm.



THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

LÀM HỘP BÚT TỪ VỎ HỘP ĐÃ QUA SỬ DỤNG

1. Chuẩn bị

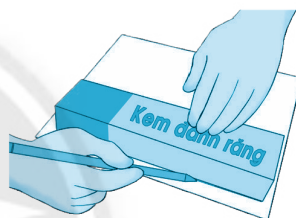
- Một vỏ hộp (chẳng hạn vỏ hộp kem đánh răng) có dạng khối hộp chữ nhật.
- Giấy thủ công, hồ dán, kéo.
- Thước thẳng, bút chì.



2. Thực hiện

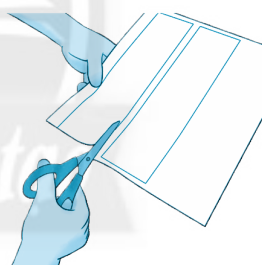
– Bước 1:

Đặt vỏ hộp lên mặt sau của tờ giấy thủ công, vẽ theo các cạnh của khối hộp chữ nhật để được 6 hình chữ nhật (hay hình vuông).



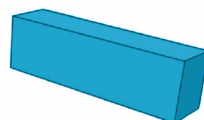
– Bước 2:

Cắt các mảnh giấy hình chữ nhật (hay hình vuông) vừa vẽ.



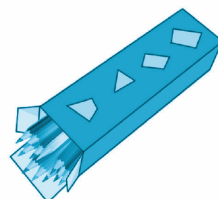
– Bước 3:

Dán các mảnh giấy vừa cắt lên 6 mặt của vỏ hộp.



– Bước 4:

Cắt một số hình, dán lên các mặt của hộp để trang trí.



2. PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA TRONG PHẠM VI 1000



BẢNG NHÂN 3

Viết các kết quả.

$$3 \times 1 = \dots\dots$$

$$3 \times 2 = \dots\dots$$

$$3 \times 3 = \dots\dots$$

$$3 \times 4 = \dots\dots$$

$$3 \times 5 = \dots\dots$$

$$3 \times 6 = \dots\dots$$

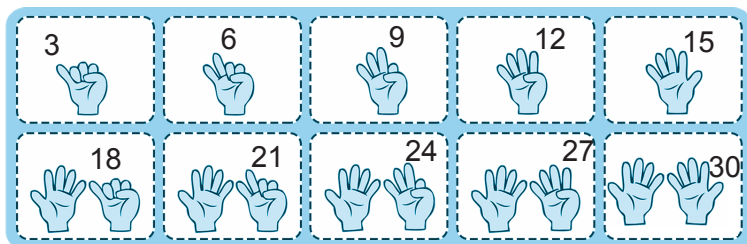
$$3 \times 7 = \dots\dots$$

$$3 \times 8 = \dots\dots$$

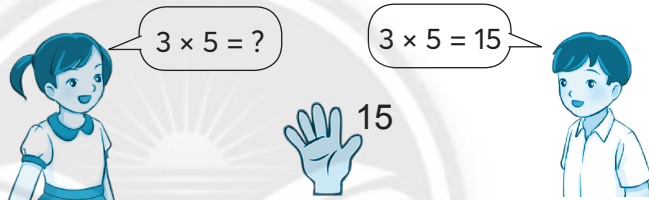
$$3 \times 9 = \dots\dots$$

$$3 \times 10 = \dots\dots$$

1 Đưa ngón tay và đếm thêm 3 (theo mẫu).



2 Đố bạn các phép nhân trong bảng nhân 3.



1 Viết phép nhân.



.....

.....

2 Tính nhẩm.

a) $3 \times 3 = \dots\dots$

$3 \times 4 = \dots\dots$

$3 \times 10 = \dots\dots$

$3 \times 5 = \dots\dots$

$3 \times 6 = \dots\dots$

$3 \times 9 = \dots\dots$

$3 \times 2 = \dots\dots$

$3 \times 7 = \dots\dots$

$3 \times 8 = \dots\dots$

b) $4 \times 3 = \dots\dots$

$0 \times 3 = \dots\dots$

$7 \times 3 = \dots\dots$

$3 \times 0 = \dots\dots$

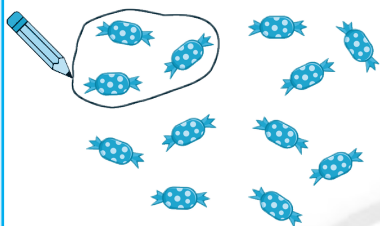
$3 \times 1 = \dots\dots$

$1 \times 3 = \dots\dots$

BẢNG CHIA 3

**Khoanh theo mẫu
rồi viết số vào chỗ chấm.**

Có 12 cái kẹo, chia cho
mỗi bạn 3 cái kẹo.



Có bạn được chia kẹo.

$$3 \times 4 = \dots\dots$$

$$12 : 3 = \dots\dots$$

$$3 \times 1 = \dots\dots$$

$$3 \times 2 = \dots\dots$$

$$3 \times 3 = \dots\dots$$

$$3 \times 4 = \dots\dots$$

$$3 \times 5 = \dots\dots$$

$$3 \times 6 = \dots\dots$$

$$3 \times 7 = \dots\dots$$

$$3 \times 8 = \dots\dots$$

$$3 \times 9 = \dots\dots$$

$$3 \times 10 = \dots\dots$$



$$3 : 3 = \dots\dots$$

$$6 : 3 = \dots\dots$$

$$9 : 3 = \dots\dots$$

$$12 : 3 = \dots\dots$$

$$15 : 3 = \dots\dots$$

$$18 : 3 = \dots\dots$$

$$21 : 3 = \dots\dots$$

$$24 : 3 = \dots\dots$$

$$27 : 3 = \dots\dots$$

$$30 : 3 = \dots\dots$$

1 Tính nhẩm.

a) $6 : 3 = \dots\dots$

$12 : 3 = \dots\dots$

$9 : 3 = \dots\dots$

$15 : 3 = \dots\dots$

b) $21 : 3 = \dots\dots$

$27 : 3 = \dots\dots$

$18 : 3 = \dots\dots$

$30 : 3 = \dots\dots$

1 Số?

$$9 = 3 \times \dots\dots$$

$$12 = 3 \times \dots\dots$$

$$15 = 3 \times \dots\dots$$

$$21 = 3 \times \dots\dots$$

$$27 = 3 \times \dots\dots$$

$$18 = 3 \times \dots\dots$$

$$0 = 3 \times \dots\dots$$

$$30 = 3 \times \dots\dots$$

2 Số?

a) Chia đều 18 quả điều thành 3 phần, mỗi phần có quả điều.

b) Có 18 quả điều chia thành các phần,

mỗi phần có 2 quả.

Có tất cả phần.



BẢNG NHÂN 4

Viết các kết quả.

$$4 \times 1 = \dots\dots$$

$$4 \times 2 = \dots\dots$$

$$4 \times 3 = \dots\dots$$

$$4 \times 4 = \dots\dots$$

$$4 \times 5 = \dots\dots$$

$$4 \times 6 = \dots\dots$$

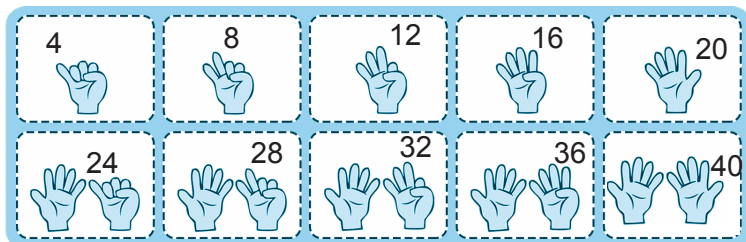
$$4 \times 7 = \dots\dots$$

$$4 \times 8 = \dots\dots$$

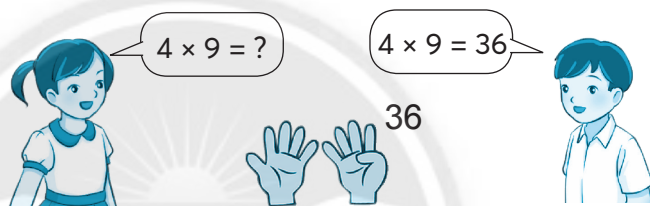
$$4 \times 9 = \dots\dots$$

$$4 \times 10 = \dots\dots$$

1 Đưa ngón tay và đếm thêm 4 (theo mẫu).



2 Đố bạn các phép nhân trong bảng nhân 4.



1 Tính nhẩm.

a) $4 \times 2 = \dots\dots$

$$4 \times 6 = \dots\dots$$

$$4 \times 8 = \dots\dots$$

$$4 \times 5 = \dots\dots$$

$$4 \times 9 = \dots\dots$$

$$4 \times 10 = \dots\dots$$

b) $3 \times 4 = \dots\dots$

$$5 \times 4 = \dots\dots$$

$$7 \times 4 = \dots\dots$$

$$6 \times 4 = \dots\dots$$

$$0 \times 4 = \dots\dots$$

$$10 \times 4 = \dots\dots$$

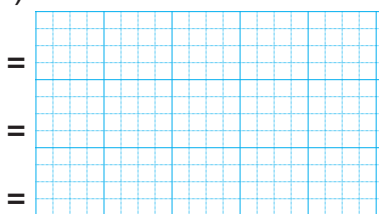
2 Số?

Số con cừu	1	2	5	8
Số chân cừu	4	8	...	...

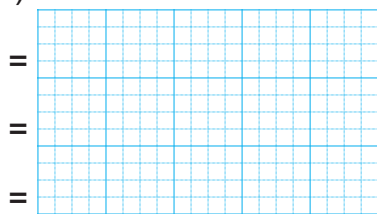


3 Tính bằng hai cách (xem mẫu SGK).

a) $3 \times 2 \times 2$



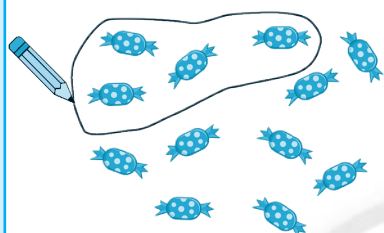
b) $5 \times 2 \times 4$



BẢNG CHIA 4

Khoanh theo mẫu rồi viết số vào chỗ chấm.

Có 12 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 4 cái kẹo.



Có bạn được chia kẹo.

$$4 \times 3 = \dots\dots$$

$$12 : 4 = \dots\dots$$

$$4 \times 1 = \dots\dots$$

$$4 \times 2 = \dots\dots$$

$$4 \times 3 = \dots\dots$$

$$4 \times 4 = \dots\dots$$

$$4 \times 5 = \dots\dots$$

$$4 \times 6 = \dots\dots$$

$$4 \times 7 = \dots\dots$$

$$4 \times 8 = \dots\dots$$

$$4 \times 9 = \dots\dots$$

$$4 \times 10 = \dots\dots$$

$$4 : 4 = \dots\dots$$

$$8 : 4 = \dots\dots$$

$$12 : 4 = \dots\dots$$

$$16 : 4 = \dots\dots$$

$$20 : 4 = \dots\dots$$

$$24 : 4 = \dots\dots$$

$$28 : 4 = \dots\dots$$

$$32 : 4 = \dots\dots$$

$$36 : 4 = \dots\dots$$

$$40 : 4 = \dots\dots$$

1 Tính nhẩm.

$$4 : 4 = \dots\dots$$

$$20 : 4 = \dots\dots$$

$$12 : 4 = \dots\dots$$

$$32 : 4 = \dots\dots$$

$$0 : 4 = \dots\dots$$

$$16 : 4 = \dots\dots$$

$$28 : 4 = \dots\dots$$

$$24 : 4 = \dots\dots$$

$$36 : 4 = \dots\dots$$

$$40 : 4 = \dots\dots$$

2 Số?

$$8 = 4 \times \dots\dots$$

$$20 = 4 \times \dots\dots$$

$$16 = 4 \times \dots\dots$$

$$4 = 4 \times \dots\dots$$

$$12 = 4 \times \dots\dots$$

$$24 = 4 \times \dots\dots$$

$$28 = 4 \times \dots\dots$$

$$36 = 4 \times \dots\dots$$

3 Số?

Có 20 quả đào xếp vào các đĩa.

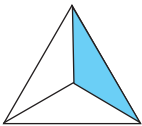
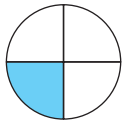
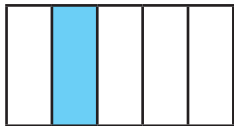
Số quả đào ở mỗi đĩa	2	4	5
Số đĩa đựng đào	10		



MỘT PHẦN HAI, MỘT PHẦN BA, MỘT PHẦN TƯ, MỘT PHẦN NĂM

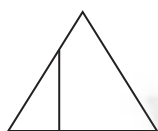
Viết vào chỗ chấm.

Chia mỗi hình thành các phần bằng nhau, tô màu 1 phần.

			
Viết: $\frac{1}{2}$	$\frac{1}{\dots}$	$\frac{1}{\dots}$	$\frac{1}{\dots}$
Đọc: Một phần hai (một nửa)	Một phần ...	Một phần ...	

$\frac{1}{2}, \frac{1}{3}, \frac{1}{4}, \frac{1}{5}$ biểu thị phần tô màu trong mỗi hình.

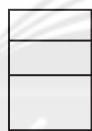
1 Đánh dấu (✓) vào hình được chia thành các phần bằng nhau.



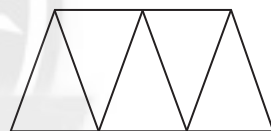
Hình A ()



Hình B ()

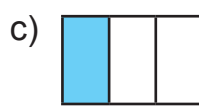
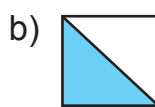
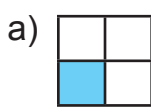


Hình C ()



Hình D ()

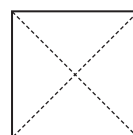
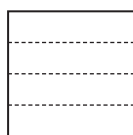
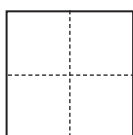
2 Đã tô màu một phần mấy mỗi hình? (Viết theo mẫu.)



Một phần hai

3 a) Gấp một mảnh giấy hình vuông để chia mảnh giấy thành bốn phần bằng nhau.

Ví dụ:



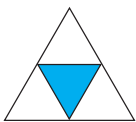
b) Tô màu $\frac{1}{4}$ mảnh giấy hình vuông ở câu a.

Đánh dấu (✓) vào những hình em chọn.

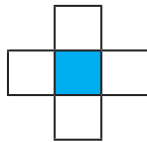
1 Đã tô màu $\frac{1}{5}$ của những hình nào?



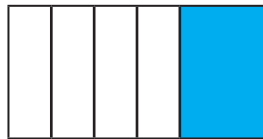
Hình A ()



Hình B ()



Hình C ()

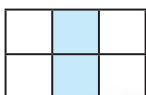


Hình D ()

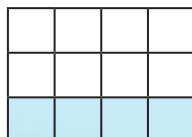
2 Đã tô màu $\frac{1}{3}$ số ô vuông của những hình nào?



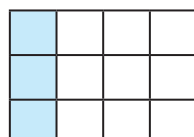
Hình A ()



Hình B ()

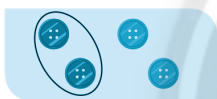


Hình C ()



Hình D ()

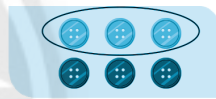
3 Đã khoanh vào $\frac{1}{2}$ số cúc áo của những hình nào?



Hình A ()



Hình B ()

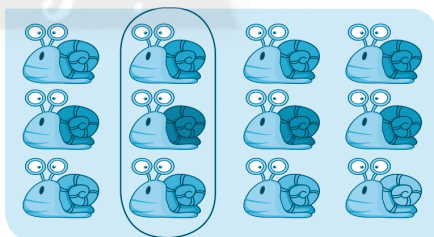


Hình C ()

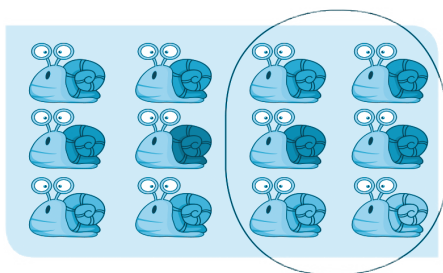
4 Đã khoanh vào $\frac{1}{4}$ số con vật ở hình nào?



Hình A ()



Hình B ()



Hình C ()

NHÂN NHẦM, CHIA NHẦM

Viết vào chỗ chấm.

$$200 \times 3 = ?$$

$$2 \dots \times 3 = 6 \dots$$

$$200 \times 3 = \dots$$

$$600 : 3 = ?$$

$$6 \dots : 3 = 2 \dots$$

$$600 : 3 = \dots$$

$$30 \times 4 = ?$$

$$3 \dots \times 4 = 12 \dots$$

$$30 \times 4 = \dots$$

$$120 : 4 = ?$$

$$12 \dots : 4 = 3 \dots$$

$$120 : 4 = \dots$$

1 Tính nhẩm.

a) $40 \times 2 = \dots$

$30 \times 3 = \dots$

$200 \times 5 = \dots$

b) $30 \times 5 = \dots$

$40 \times 3 = \dots$

$50 \times 2 = \dots$

2 Tính nhẩm.

a) $80 : 4 = \dots$

$600 : 2 = \dots$

$900 : 3 = \dots$

b) $240 : 4 = \dots$

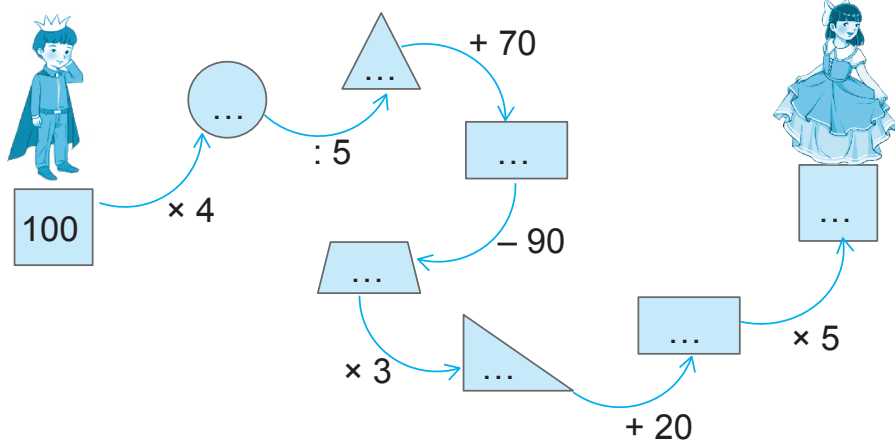
$250 : 5 = \dots$

$180 : 3 = \dots$

3 Số?



Giúp hoàng tử tìm công chúa. (Viết số thích hợp vào ô trống.)



EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Tính nhẩm.

a) $2 \times 7 = \dots\dots$	$8 \times 5 = \dots\dots$	b) $24 : 3 = \dots\dots$	$32 : 4 = \dots\dots$
$3 \times 7 = \dots\dots$	$6 \times 3 = \dots\dots$	$24 : 4 = \dots\dots$	$20 : 2 = \dots\dots$
$4 \times 9 = \dots\dots$	$9 \times 2 = \dots\dots$	$16 : 2 = \dots\dots$	$45 : 5 = \dots\dots$
$5 \times 6 = \dots\dots$	$6 \times 4 = \dots\dots$	$25 : 5 = \dots\dots$	$0 : 3 = \dots\dots$

2 Số?

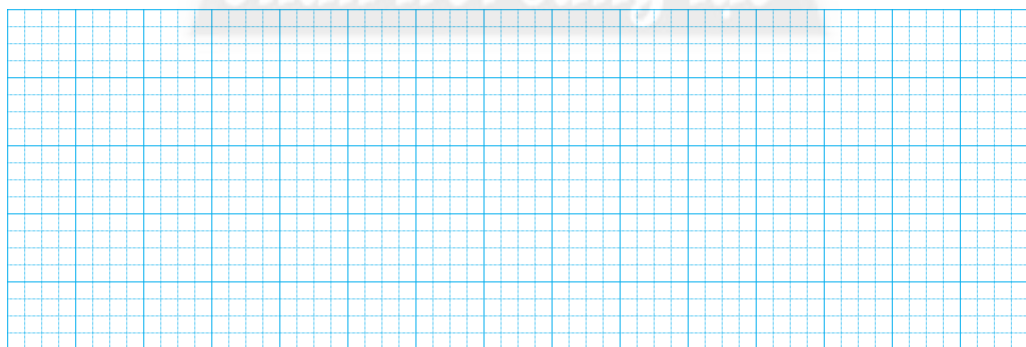
a) $3 \times \dots\dots = 90$	b) $\dots\dots \times 5 = 450$
c) $\dots\dots : 2 = 500$	d) $4 : \dots\dots = 4$

3 Số?

- a) Trong hộp có 10 đôi tất. Hộp đó có chiếc tất.
b) Trên bàn có 10 chiếc đĩa giống nhau. Như vậy có đôi đĩa.

4

Trên mỗi cái bàn người ta để 2 lọ hoa, mỗi lọ hoa có 5 cành hoa.
Hỏi 4 cái bàn như thế có tất cả bao nhiêu cành hoa?



Số?

Cứ 2 bạn lại hoá trang thành 1 chú ngựa.
Bé Bi đếm thấy có tất cả 20 cái chân ngựa.
Có bạn đóng vai các chú ngựa.

NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ TRONG PHẠM VI 1000

Viết vào chỗ chấm.

$$\begin{array}{r} 13 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 13 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

• 3 nhân 3 bằng 9, viết ...

• 3 nhân ... bằng ..., viết ...

$$13 \times 3 = \dots\dots$$

$$\begin{array}{r} 123 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 123 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

• 2 nhân 3 bằng ..., viết ...

• 2 nhân ... bằng ..., viết ...

• 2 nhân ... bằng ..., viết ...

$$123 \times 2 = \dots\dots$$

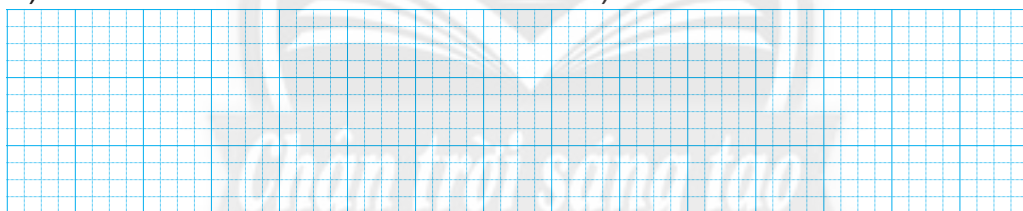
1 Đặt tính rồi tính.

a) 43×2

21×3

b) 211×4

101×5



1 Tính.

a) $100 - 22 \times 3$

$$\begin{array}{l} = \\ = \end{array}$$

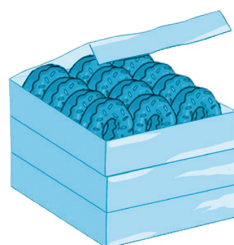
b) $(7 + 14) \times 4$

$$\begin{array}{l} = \\ = \end{array}$$

2 Số?

Mỗi hộp có 12 cái bánh.

3 hộp như thế có cái bánh.



NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ TRONG PHẠM VI 1000 (tiếp theo)

Viết vào chỗ chấm.

$$\begin{array}{r} 24 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

.....

• 3 nhân ... bằng ..., viết ..., **nhớ** ...
• 3 nhân ... bằng ..., **thêm** ... bằng ..., viết ...
 $24 \times 3 = \dots\dots$

$$\begin{array}{r} 264 \\ \times 2 \\ \hline \end{array}$$

.....

• 2 nhân ... bằng ..., viết ...
• 2 nhân ... bằng ..., viết ..., **nhớ** ...
• 2 nhân ... bằng ..., **thêm** ... bằng ..., viết ...
 $264 \times 2 = \dots\dots$

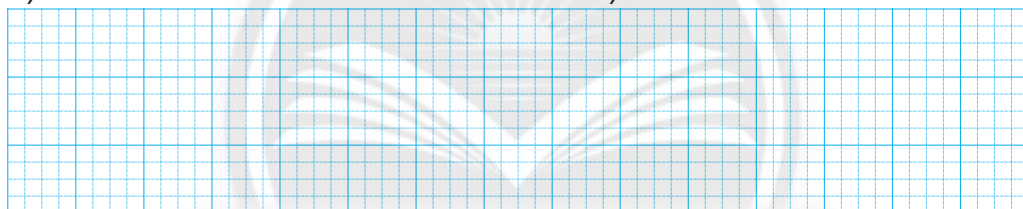
1 Đặt tính rồi tính.

a) 43×4

14×5

b) 241×4

101×5



1 Số? (Mỗi rổ có 12 quả xoài.)

Số rổ	1	2	3	4
Số quả trong các rổ	12	24		

2 Nối giá trị với biểu thức phù hợp.

120×2

125×2

$60 \times 2 \times 3$

360

240

250

3 Tính giá trị của biểu thức.

a) $113 \times 5 - 562$

b) $2 : (99 - 97)$

c) $82 - 27 - 53$

d) $82 - 27 \times 3$

=

=

=

=

=

=

=

=



Đọc nội dung trong SGK rồi khoanh vào biểu thức em chọn.

A. 12×5

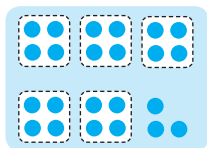
B. $(12 - 3) \times 5$

C. $12 \times 5 - 3$

PHÉP CHIA HẾT VÀ PHÉP CHIA CÓ DƯ

1 Viết phép chia theo nhóm 4 (theo mẫu).

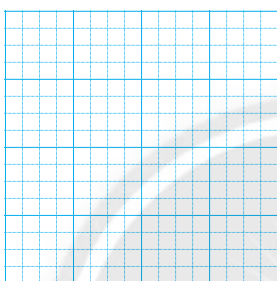
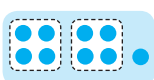
Mẫu:



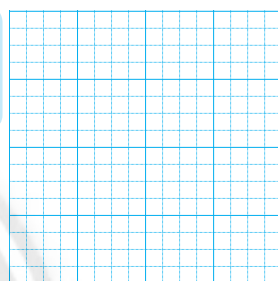
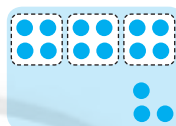
$$\begin{array}{r} 23 \overline{) 4} \\ 20 \overline{) 5} \\ \hline 3 \end{array}$$

$$23 : 4 = 5 \text{ (dư 3)}$$

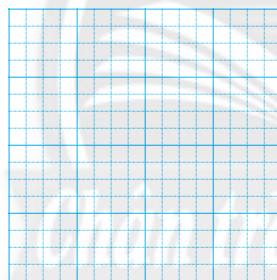
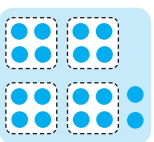
a)



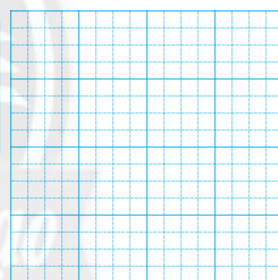
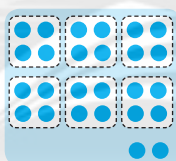
b)



c)



d)



1 Tính (theo mẫu).

Mẫu: $15 : 3$

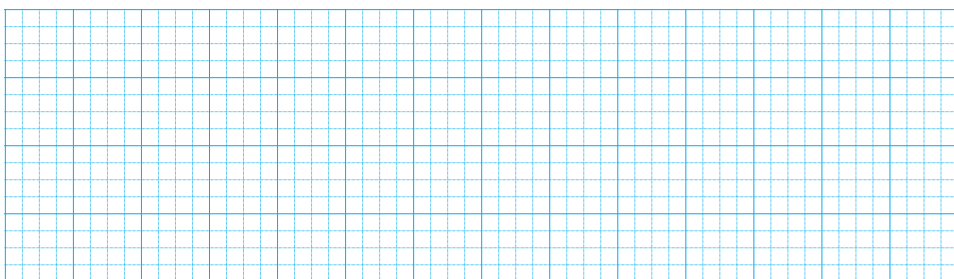
$$\begin{array}{r} 15 \overline{) 3} \\ 15 \overline{) 5} \\ \hline 0 \end{array}$$

$$15 : 3 = 5$$

a) $14 : 2$

$9 : 3$

$27 : 3$



b) $12 : 4$

$32 : 4$

$35 : 5$

2 Tính (theo mẫu).Mẫu: $17 : 3$

$$\begin{array}{r} 17 \overline{) 3} \\ 15 \overline{) 5} \\ \hline 2 \end{array}$$

$17 : 3 = 5 \text{ (dư 2)}$

a) $15 : 2$

$10 : 3$

$23 : 3$

b) $9 : 4$

$32 : 5$

$18 : 5$

3 Số?

Số cái bánh để xếp vào hộp	Số bánh mỗi hộp	Số hộp bánh	Số bánh còn dư
19	2	9	1
19	5	...	...
19	4	...	...



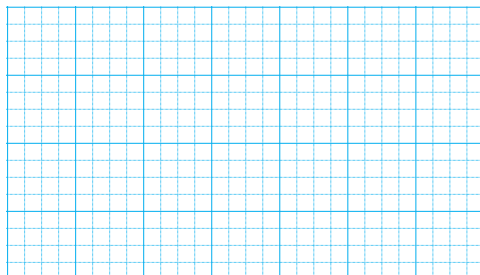
Đọc nội dung trong SGK.

Số?

Tiếp theo, chiếc lá mang số sẽ có cả bộ rùa màu vàng và bộ rùa màu đỏ cùng đậu.

CHIA SỐ CÓ HAI CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Chia đều 36 hình mặt cười cho 3 bạn. Mỗi bạn được bao nhiêu hình?



$$36 : 3 = ?$$

$$\begin{array}{r} 36 \overline{) 3} \\ 3 \\ \hline 06 \\ 6 \\ \hline 0 \end{array}$$

- 3 chia 3 được 1, viết 1.
1 nhân 3 bằng 3;
3 trừ 3 bằng 0.
 - Hạ 6, 6 chia 3 được 2, viết 2.
2 nhân 3 bằng 6;
6 trừ 6 bằng 0.
- $36 : 3 = 12$**

$$94 : 4 = ?$$

$$\begin{array}{r} 94 \overline{) 4} \\ 8 \\ \hline 14 \\ 12 \\ \hline 2 \end{array}$$

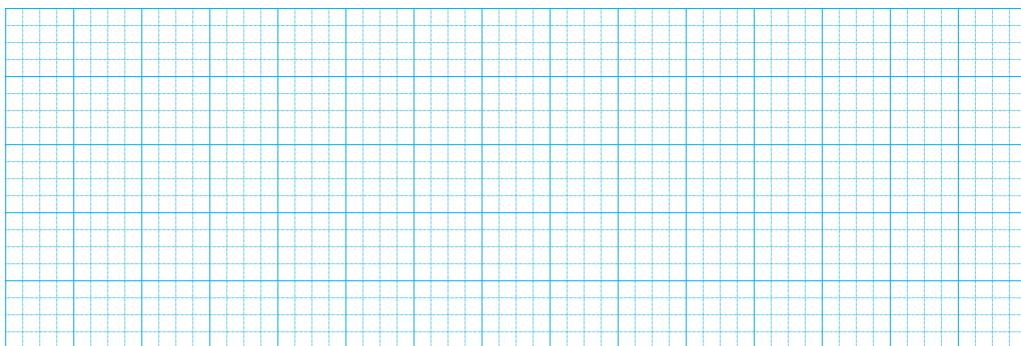
- 9 chia 4 được 2, viết 2.
2 nhân 4 bằng 8;
9 trừ 8 bằng 1.
 - Hạ 4, được 14;
14 chia 4 được 3, viết 3.
3 nhân 4 bằng 12;
14 trừ 12 bằng 2.
- $94 : 4 = 23$ (dư 2)**

1 Đặt tính rồi tính.

a) $48 : 4$

$55 : 5$

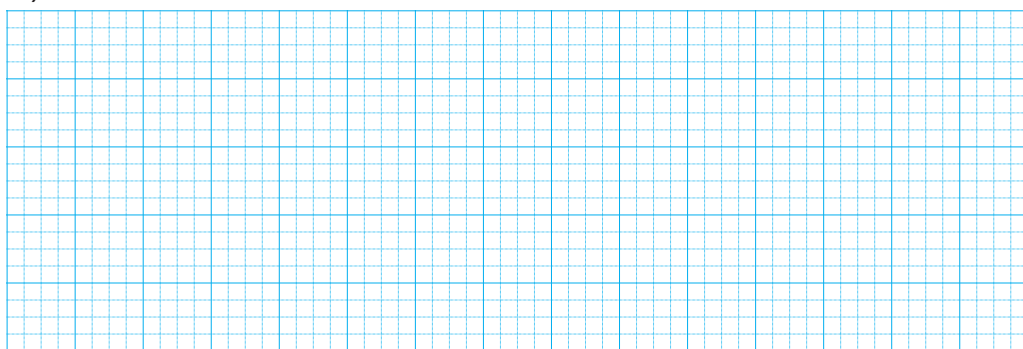
$42 : 2$



b) $47 : 3$

$71 : 4$

$92 : 5$



1 Tính nhẩm.

a) $80 : 4 = \dots\dots$

b) $60 \times 5 = \dots\dots$

c) $30 \times 4 = \dots\dots$

$90 : 3 = \dots\dots$

$80 \times 3 = \dots\dots$

$60 : 3 = \dots\dots$

2 Số?

a) $68 : 2 = \boxed{\dots}$

b) $\boxed{\dots} : 3 = 17$

c) $56 : \boxed{\dots} = 4$

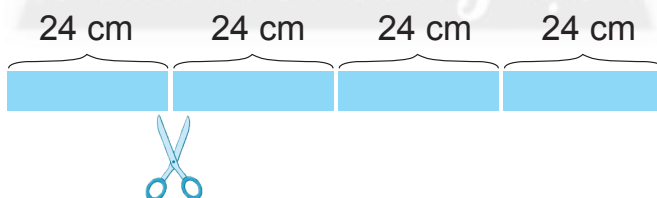
3 Số?

Mẹ xếp đều 28 quả bưởi da xanh vào 2 sọt, mỗi sọt có quả.

4 Viết vào chỗ chấm: dài hơn, ngắn hơn hay dài bằng.

Bạn Khánh cắt một băng giấy thành 4 mảnh dài bằng nhau, mỗi mảnh dài 24 cm.

Băng giấy lúc đầu 1 m.



- Phép chia sau đúng hay sai. Tại sao?

$47 : 5 = 8 \text{ (dư 7)}$

.....

- Thương $\times$ Số chia + Số dư = Số bị chia.

Thử lại phép chia sau rồi xác định phép chia đúng hay sai.

$67 : 4 = 16 \text{ (dư 1)}$

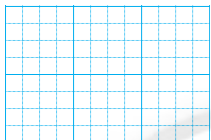
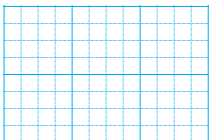
.....

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 Tính nhẩm.

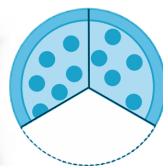
- a) $2 \times 4 = \dots\dots$ b) $6 : 3 = \dots\dots$ c) $40 \times 5 = \dots\dots$
 $20 \times 4 = \dots\dots$ $60 : 3 = \dots\dots$ $200 : 5 = \dots\dots$
 $200 \times 4 = \dots\dots$ $600 : 3 = \dots\dots$ $200 : 4 = \dots\dots$

2 Tính giá trị của biểu thức.

- a) $96 : 3 - 8 =$  b) $800 + 50 \times 4 =$ 

3 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

- a) Nhân một số với 0 được tích là:
 A. chính số đó B. 1 C. 0
- b) Trong các phép chia có dư với số chia là 3, số dư lớn nhất là:
 A. 3 B. 2 C. 1
- c) Trong hình bên, phần bánh đã ăn được viết là:
 A. $\frac{1}{2}$ B. $\frac{1}{3}$ C. $\frac{1}{4}$



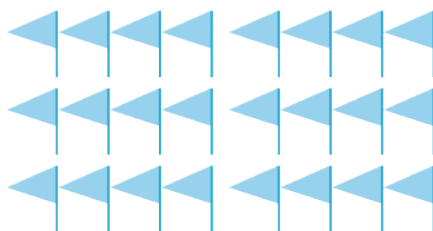
4 Số?

Quan sát hình ảnh những lá cờ.

- Cúc được thưởng $\frac{1}{2}$ số lá cờ đó.

Tâm được thưởng $\frac{1}{3}$ số lá cờ đó.

- Số lá cờ mỗi bạn Cúc và Tâm được thưởng:



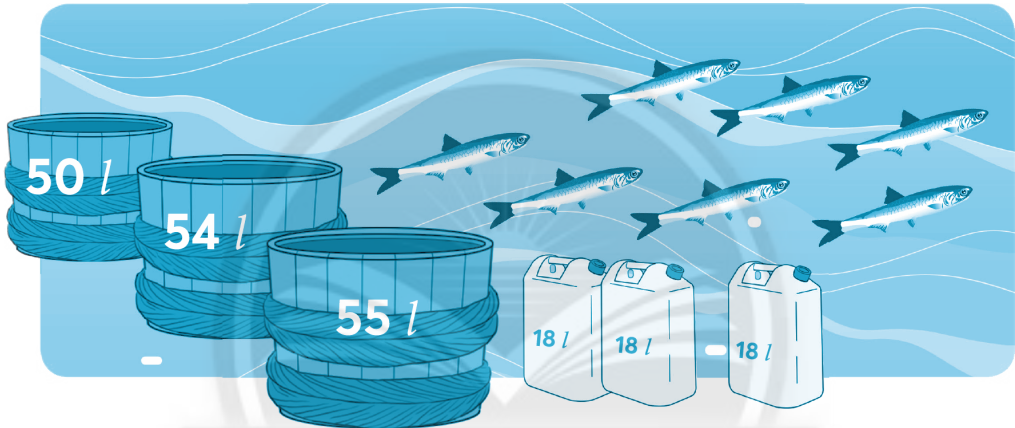
Cúc: lá cờ Tâm: lá cờ

5 SỐ?

Số lít nước mắm trong mỗi can	20 l	... l	2 l
Số can đựng nước mắm	5 can	3 can	... can
Số lít nước mắm trong các can	... l	75 l	32 l

6 SỐ?

Có 3 can rỗng và 3 thùng đang đựng một số lít nước mắm (ghi ở mỗi thùng). Em chọn thùng l để rót hết nước mắm từ thùng này vào 3 can thì vừa đầy.



Chị Hai cho 4 bạn 21 tờ giấy màu. Các bạn chia đều số tờ giấy đó như sau:

$$21 : 4 = 5 \text{ (dư 1)}$$

Mỗi người được 5 tờ,
đưa lại chị Hai 1 tờ.



Tuấn

Xin thêm chị Hai 3 tờ,
mỗi người sẽ được 6 tờ.



Tuyết

Viết vào chỗ chấm.

Trong hai cách trên, em chọn cách của bạn

BẢNG NHÂN 6

Viết các kết quả.

$$6 \times 1 = \dots$$

$$6 \times 2 = \dots$$

$$6 \times 3 = \dots$$

$$6 \times 4 = \dots$$

$$6 \times 5 = \dots$$

$$6 \times 6 = \dots$$

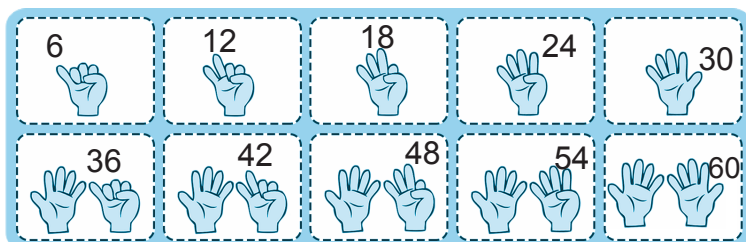
$$6 \times 7 = \dots$$

$$6 \times 8 = \dots$$

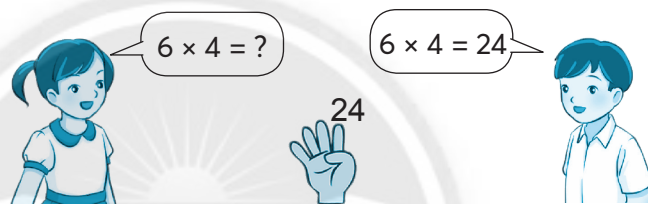
$$6 \times 9 = \dots$$

$$6 \times 10 = \dots$$

1 Đưa ngón tay và đếm thêm 6 (theo mẫu).



2 Đố bạn các phép nhân trong bảng nhân 6.



1 Tính nhẩm.

$$6 \times 3 = \dots$$

$$6 \times 7 = \dots$$

$$6 \times 2 = \dots$$

$$6 \times 8 = \dots$$

$$6 \times 1 = \dots$$

$$6 \times 4 = \dots$$

$$6 \times 5 = \dots$$

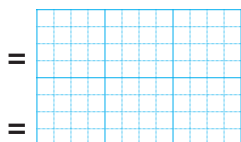
$$6 \times 6 = \dots$$

$$6 \times 10 = \dots$$

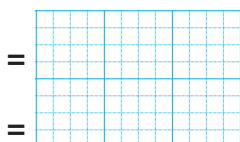
$$6 \times 9 = \dots$$

2 Tính.

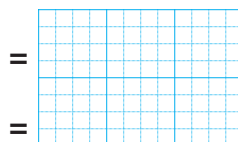
a) $6 \times 5 \times 4$



b) $52 - 6 \times 3$



c) $6 \times 8 : 3$



3 Số?

Mỗi tờ giấy màu dán được một mặt của hộp giấy (xem hình bên).

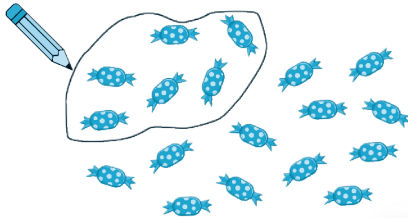
Để dán hết các mặt của 10 hộp giấy, cần tờ giấy màu.



BẢNG CHIA 6

**Khoanh theo mẫu
rồi viết số vào chỗ chấm.**

Có 18 cái kẹo, chia cho
mỗi bạn 6 cái kẹo.



Có bạn được chia kẹo.

$$6 \times 3 = \dots\dots$$

$$18 : 6 = \dots\dots$$

$$6 \times 1 = \dots\dots$$

$$6 \times 2 = \dots\dots$$

$$6 \times 3 = \dots\dots$$

$$6 \times 4 = \dots\dots$$

$$6 \times 5 = \dots\dots$$

$$6 \times 6 = \dots\dots$$

$$6 \times 7 = \dots\dots$$

$$6 \times 8 = \dots\dots$$

$$6 \times 9 = \dots\dots$$

$$6 \times 10 = \dots\dots$$

$$6 : 6 = \dots\dots$$

$$12 : 6 = \dots\dots$$

$$18 : 6 = \dots\dots$$

$$24 : 6 = \dots\dots$$

$$30 : 6 = \dots\dots$$

$$36 : 6 = \dots\dots$$

$$42 : 6 = \dots\dots$$

$$48 : 6 = \dots\dots$$

$$54 : 6 = \dots\dots$$

$$60 : 6 = \dots\dots$$

1 Tính nhẩm.

$$12 : 6 = \dots\dots$$

$$30 : 6 = \dots\dots$$

$$6 : 6 = \dots\dots$$

$$48 : 6 = \dots\dots$$

$$0 : 6 = \dots\dots$$

$$24 : 6 = \dots\dots$$

$$42 : 6 = \dots\dots$$

$$36 : 6 = \dots\dots$$

$$54 : 6 = \dots\dots$$

$$60 : 6 = \dots\dots$$

2 Số?

a) $\boxed{\dots} : 6 = 8$

$\boxed{\dots} : 6 = 9$

b) $\boxed{\dots} : 6 = 5$

$\boxed{\dots} : 6 = 0$

$\boxed{\dots} : 6 = 6$

$\boxed{\dots} : 6 = 7$

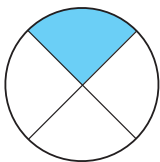
$\boxed{\dots} : 5 = 6$

$\boxed{\dots} : 6 = 1$

3 Đã tô màu một phần mấy mỗi hình? (Viết theo mẫu.)

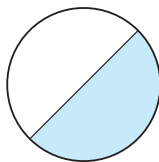
Mẫu:

Hình A



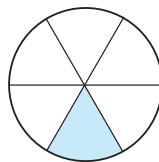
$\frac{1}{4}$

Hình B



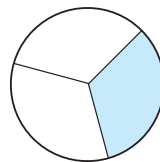
$\frac{1}{2}$

Hình C



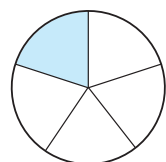
$\frac{1}{6}$

Hình D



$\frac{1}{3}$

Hình E



$\frac{1}{5}$

GẤP MỘT SỐ LÊN MỘT SỐ LẦN

Viết vào chỗ chấm.



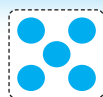
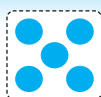
gấp lên 2 lần



$$3 \times 2$$

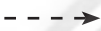
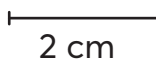


gấp lên ... lần



$$5 \times \dots$$

gấp lên ... lần



$$2 \text{ cm} \times \dots$$

1 Mỗi bạn lấy ra các khối lập phương theo yêu cầu.

Bạn thứ nhất lấy 3 khối lập phương.

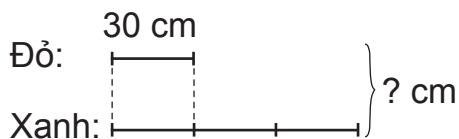
Bạn thứ hai lấy gấp 2 lần số khối lập phương của bạn thứ nhất.

Bạn thứ ba lấy gấp 3 lần số khối lập phương của bạn thứ nhất.

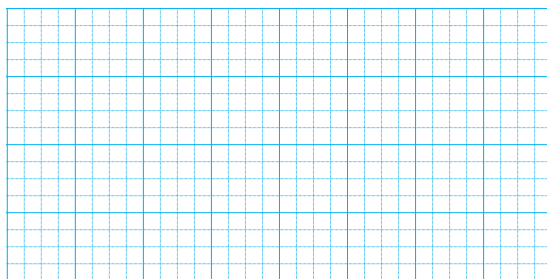
1

Thanh sắt sơn màu đỏ dài 30 cm, thanh sắt sơn màu xanh dài gấp 3 lần thanh sắt sơn màu đỏ. Hỏi cả hai thanh sắt dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Tóm tắt



Bài giải



BẢNG NHÂN 7

Viết các kết quả.

$7 \times 1 = \dots\dots$

$7 \times 2 = \dots\dots$

$7 \times 3 = \dots\dots$

$7 \times 4 = \dots\dots$

$7 \times 5 = \dots\dots$

$7 \times 6 = \dots\dots$

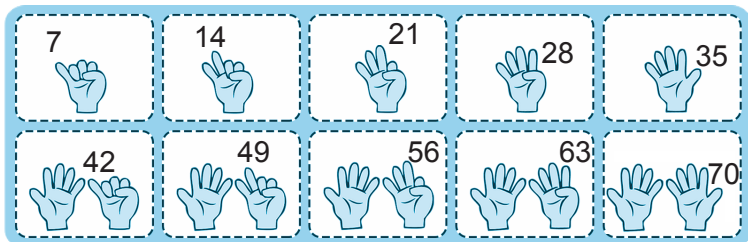
$7 \times 7 = \dots\dots$

$$7 \times 8 = \dots\dots$$

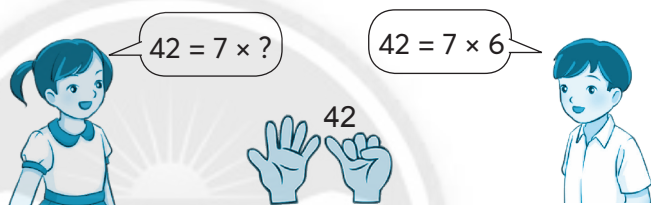
$7 \times 9 = \dots\dots$

$7 \times 10 = \dots\dots$

1 Đưa ngón tay và đếm thêm 7 (theo mẫu).



2 Đố bạn các phép nhân trong bảng nhân 7.



1 Tính nhằm.

$7 \times 2 = \dots\dots$

$7 \times 6 = \dots\dots$

$7 \times 5 = \dots\dots$

$7 \times 8 = \dots\dots$

$7 \times 0 = \dots\dots\dots$

$7 \times 4 = \dots\dots$

$7 \times 7 = \dots\dots$

$7 \times 9 = \dots\dots$

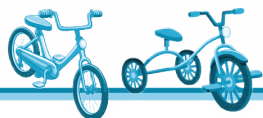
$7 \times 3 = \dots\dots$

$7 \times 10 = \dots\dots$

2 SỐ?

Số tuần	1	2	5	7	10
Số ngày	7	14			

3 Một khu vui chơi thiếu nhi có 7 xe hai bánh, số xe ba bánh gấp 3 lần số xe hai bánh. Hỏi khu vui chơi đó có bao nhiêu xe ba bánh?



Bài giải

A full-page sheet of white graph paper with a light blue grid. The grid consists of small squares formed by thin blue lines. There are no margins or additional markings on the page.

BẢNG CHIA 7

Viết các kết quả.

$7 \times 1 = \dots$

$7 \times 2 = \dots$

$7 \times 3 = \dots$

$7 \times 4 = \dots$

$7 \times 5 = \dots$

$7 \times 6 = \dots$

$7 \times 7 = \dots$

$7 \times 8 = \dots$

$7 \times 9 = \dots$

$7 \times 10 = \dots$

$7 : 7 = \dots$

$14 : 7 = \dots$

$21 : 7 = \dots$

$28 : 7 = \dots$

$35 : 7 = \dots$

$42 : 7 = \dots$

$49 : 7 = \dots$

$56 : 7 = \dots$

$63 : 7 = \dots$

$70 : 7 = \dots$

1 Tính nhẩm.

$14 : 7 = \dots$

$35 : 7 = \dots$

$28 : 7 = \dots$

$56 : 7 = \dots$

$49 : 7 = \dots$

$63 : 7 = \dots$

$42 : 7 = \dots$

$70 : 7 = \dots$

$7 : 7 = \dots$

$0 : 7 = \dots$

2 Đặt tính rồi tính.

a) $84 : 7$

b) $37 : 7$

c) $61 : 7$

Chân trời sáng tạo

3

Bài giải

Bà chia 14 kg vải thiều thành 7 phần nặng như nhau. Hỏi mỗi phần vải thiều nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

BẢNG NHÂN 8

Viết các kết quả.

$$8 \times 1 = \dots\dots$$

$$8 \times 2 = \dots\dots$$

$$8 \times 3 = \dots\dots$$

$$8 \times 4 = \dots\dots$$

$$8 \times 5 = \dots\dots$$

$$8 \times 6 = \dots\dots$$

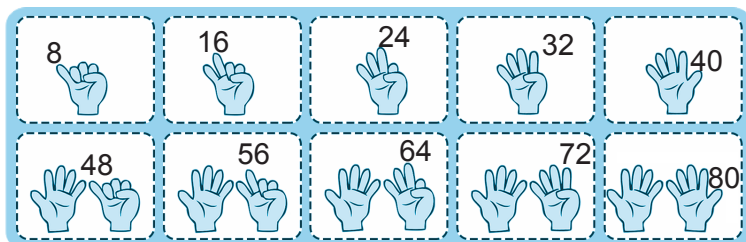
$$8 \times 7 = \dots\dots$$

$$8 \times 8 = \dots\dots$$

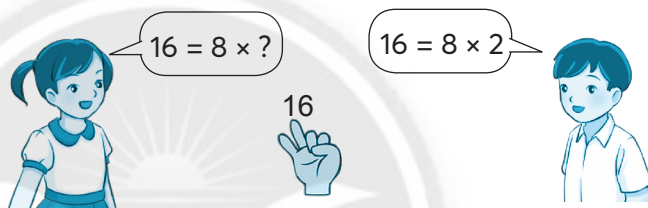
$$8 \times 9 = \dots\dots$$

$$8 \times 10 = \dots\dots$$

1 Đưa ngón tay và đếm thêm 8 (theo mẫu).



2 Đố bạn các phép nhân trong bảng nhân 8.



1 Tính nhẩm.

$$8 \times 3 = \dots\dots$$

$$8 \times 7 = \dots\dots$$

$$8 \times 5 = \dots\dots$$

$$8 \times 4 = \dots\dots$$

$$8 \times 0 = \dots\dots$$

$$8 \times 2 = \dots\dots$$

$$8 \times 8 = \dots\dots$$

$$8 \times 9 = \dots\dots$$

$$8 \times 6 = \dots\dots$$

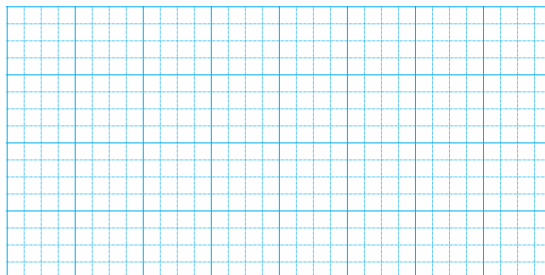
$$8 \times 10 = \dots\dots$$

2

Mỗi chiếc xe có 18 bánh xe.

Hỏi 8 chiếc xe như thế có bao nhiêu bánh xe?

Bài giải



BẢNG CHIA 8

Viết các kết quả.

$8 \times 1 = \dots\dots$

$8 \times 2 = \dots\dots$

$8 \times 3 = \dots\dots$

$8 \times 4 = \dots\dots$

$8 \times 5 = \dots\dots$

$8 \times 6 = \dots\dots$

$8 \times 7 = \dots\dots$

$8 \times 8 = \dots\dots$

$8 \times 9 = \dots\dots$

$8 \times 10 = \dots\dots$



$8 : 8 = \dots\dots$

$16 : 8 = \dots\dots$

$24 : 8 = \dots\dots$

$32 : 8 = \dots\dots$

$40 : 8 = \dots\dots$

$48 : 8 = \dots\dots$

$56 : 8 = \dots\dots$

$64 : 8 = \dots\dots$

$72 : 8 = \dots\dots$

$80 : 8 = \dots\dots$

1 Tính nhẩm.

$24 : 8 = \dots\dots$

$16 : 8 = \dots\dots$

$56 : 8 = \dots\dots$

$32 : 8 = \dots\dots$

$64 : 8 = \dots\dots$

$40 : 8 = \dots\dots$

$48 : 8 = \dots\dots$

$72 : 8 = \dots\dots$

$0 : 8 = \dots\dots$

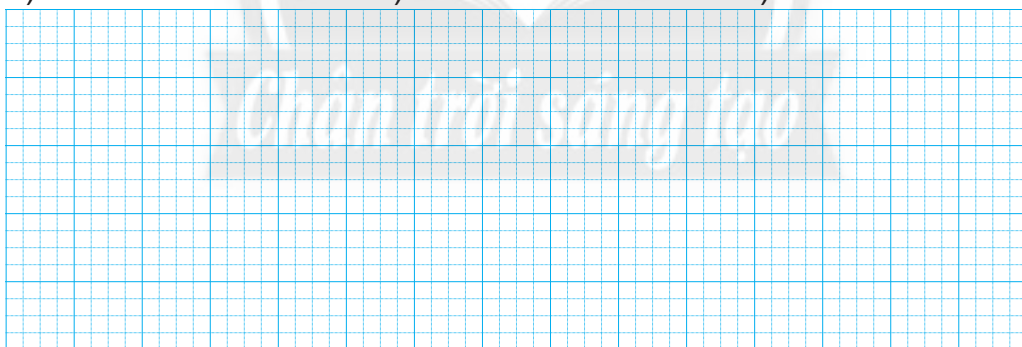
$80 : 8 = \dots\dots$

2 Đặt tính rồi tính.

a) $57 : 8$

b) $89 : 8$

c) $70 : 8$



3 Số?

a) Cái bánh chưng này được chia thành miếng bằng nhau.

b) Thoa đã ăn 1 miếng, vậy Thoa đã ăn $\frac{1}{\dots}$ cái bánh.
...



GIẢM MỘT SỐ ĐI MỘT SỐ LẦN

Viết vào chỗ chấm.



Giảm đi 2 lần
(giảm một nửa)



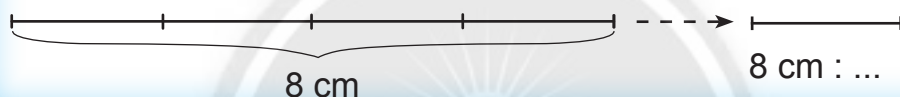
6 : 2



giảm đi ... lần



15 : ...



1 Nhóm ba bạn, mỗi bạn lấy ra một số khối lập phương rồi nói theo mẫu.

Số lúc đầu	12	18
Giảm đi 2 lần	6	...
Giảm đi 3 lần	4	...

Mình lấy
12 khối
lập phương.

Giảm một nửa nên mình
lấy 6 khối lập phương.

Giảm đi 3 lần nên
mình lấy 4 khối
lập phương.



Một bác nông dân nhận thấy, khi gieo mạ và cấy lúa bằng máy thì khối lượng lúa giống giảm được một nửa so với gieo cấy bằng tay.

Số?

Gieo cấy bằng tay	Gieo cấy bằng máy	Tiết kiệm
40 kg	20 kg	20 kg
86 kg	 kg	 kg

BẢNG NHÂN 9

Viết các kết quả.

$$9 \times 1 = \dots\dots$$

$$9 \times 2 = \dots\dots$$

$$9 \times 3 = \dots\dots$$

$$9 \times 4 = \dots\dots$$

$$9 \times 5 = \dots\dots$$

$$9 \times 6 = \dots\dots$$

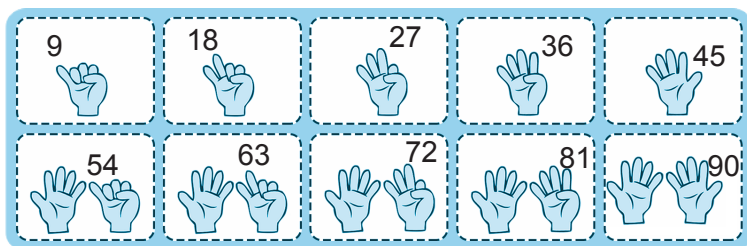
$$9 \times 7 = \dots\dots$$

$$9 \times 8 = \dots\dots$$

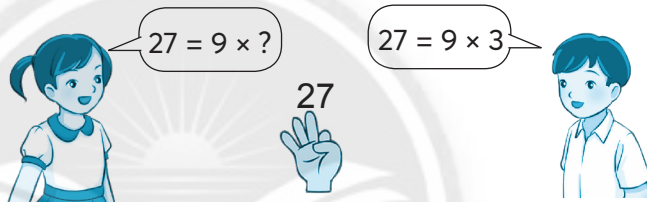
$$9 \times 9 = \dots\dots$$

$$9 \times 10 = \dots\dots$$

1 Đưa ngón tay và đếm thêm 9 (theo mẫu).



2 Đố bạn các phép nhân trong bảng nhân 9.



1 Tính nhẩm.

$$9 \times 2 = \dots\dots$$

$$9 \times 3 = \dots\dots$$

$$9 \times 8 = \dots\dots$$

$$9 \times 7 = \dots\dots$$

$$0 \times 9 = \dots\dots$$

$$9 \times 4 = \dots\dots$$

$$9 \times 5 = \dots\dots$$

$$9 \times 6 = \dots\dots$$

$$9 \times 9 = \dots\dots$$

$$9 \times 10 = \dots\dots$$



Số?

Vượn mắt kính là loài vượn nhỏ nhất thế giới. Tuy nhiên, vượn mắt kính có thể nhảy xa gấp 70 lần chiều dài thân nó.

Một con vượn mắt kính có chiều dài thân là 9 cm, con vượn này có thể nhảy xa cm.

9 cm



BẢNG CHIA 9

Viết các kết quả.

$9 \times 1 = \dots$

$9 \times 2 = \dots$

$9 \times 3 = \dots$

$9 \times 4 = \dots$

$9 \times 5 = \dots$

$9 \times 6 = \dots$

$9 \times 7 = \dots$

$9 \times 8 = \dots$

$9 \times 9 = \dots$

$9 \times 10 = \dots$

$9 : 9 = \dots$

$18 : 9 = \dots$

$27 : 9 = \dots$

$36 : 9 = \dots$

$45 : 9 = \dots$

$54 : 9 = \dots$

$63 : 9 = \dots$

$72 : 9 = \dots$

$81 : 9 = \dots$

$90 : 9 = \dots$

1 Tính nhẩm.

$27 : 9 = \dots$

$63 : 9 = \dots$

$18 : 9 = \dots$

$45 : 9 = \dots$

$36 : 9 = \dots$

$81 : 9 = \dots$

$54 : 9 = \dots$

$72 : 9 = \dots$

$9 : 9 = \dots$

$0 : 9 = \dots$

2 Số?

a)	Số đã cho	2	4	14	...
	Gấp lên 9 lần	18	...	...	9

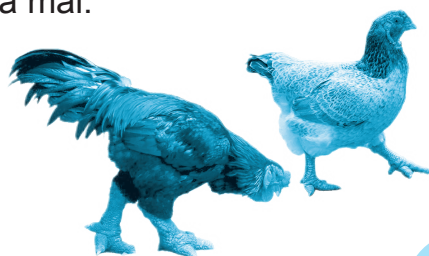
b)	Số đã cho	18	27	99	...
	Giảm đi 9 lần	2	...	...	1

3 Số?

Một đàn gà Đông Tảo có 18 con gà mái.

Số gà mái gấp 9 lần số gà trống.

Đàn gà đó có con gà trống.



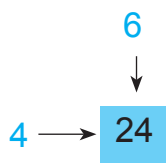
EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

1 a) Hoàn thiện bảng nhân sau.

×	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2		4	6	8	10	12	14	16	18	20
3			9	12	15	18	21	24	27	30
4				16	20	24	28	32	36	40
5					25	30	35	40	45	50
6						36	42	48	54	60
7							49	56	63	70
8								64	72	80
9									81	90
10										100

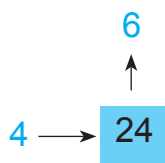
b) Cách sử dụng bảng nhân.

Ví dụ: $4 \times 6 = ?$



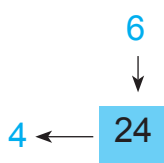
$$4 \times 6 = 24$$

$24 : 4 = ?$



$$24 : 4 = 6$$

$24 : 6 = ?$



$$24 : 6 = 4$$

Sử dụng bảng để tính.

$$3 \times 9 = \dots\dots$$

$$7 \times 8 = \dots\dots$$

$$9 \times 9 = \dots\dots$$

$$36 : 4 = \dots\dots$$

$$48 : 6 = \dots\dots$$

$$100 : 10 = \dots\dots$$

2 Số?

Khối lượng gạo trong mỗi bao	12 kg	10 kg	 kg	6 kg
Số bao gạo	5 bao	10 bao	8 bao	 bao
Khối lượng gạo ở tất cả các bao	60 kg	 kg	96 kg	90 kg

3 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Kết quả của phép nhân 141×7 là:

A. 787

B. 887

C. 987

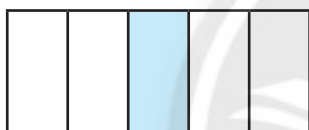
b) Kết quả của phép chia $98 : 8$ là:

A. 11 (dư 2)

B. 12 (dư 2)

C. 13

c)



Hình D

Số phần được tô màu của hình D viết là:

A. $\frac{1}{3}$

B. $\frac{1}{5}$

C. $\frac{1}{6}$

d) Quan sát các hình sau.



Hình thứ nhất



Hình thứ hai



Hình thứ ba

... .?.

Hình thứ mười

Số ngôi sao của hình thứ mười là:

A. 16

B. 20

C. 40

4 Số?

Chiều dài cơ thể voọc chà vá chân nâu được tính từ đỉnh đầu đến chót đuôi. Voọc chà vá chân nâu thường có chiều dài cơ thể gấp 2 lần chiều dài đuôi của chúng. Nếu một con voọc chà vá chân nâu có đuôi dài 30 cm thì cơ thể con voọc đó dài khoảng cm.



5 Chuyển đổi đơn vị (theo mẫu).

Mẫu:

$$6 \text{ cm } 8 \text{ mm} = 68 \text{ mm}$$

$$\begin{aligned} 6 \text{ cm} &= 60 \text{ mm} \\ 60 \text{ mm} + 8 \text{ mm} &= 68 \text{ mm} \end{aligned}$$



Số?

- a) $1 \text{ cm } 7 \text{ mm} = \dots\dots \text{ mm}$
 $3 \text{ cm } 2 \text{ mm} = \dots\dots \text{ mm}$
 $8 \text{ cm } 6 \text{ mm} = \dots\dots \text{ mm}$

- b) $1 \text{ m } 4 \text{ cm} = \dots\dots \text{ cm}$
 $5 \text{ m } 2 \text{ cm} = \dots\dots \text{ cm}$
 $7 \text{ m } 9 \text{ cm} = \dots\dots \text{ cm}$

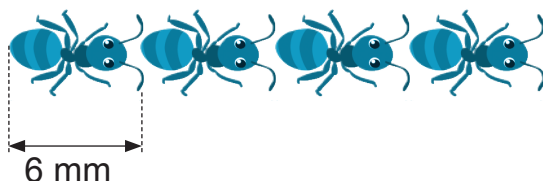


Viết vào chỗ chấm: dài hơn, ngắn hơn hay dài bằng.

Mỗi chú kiến nâu dài 6 mm.

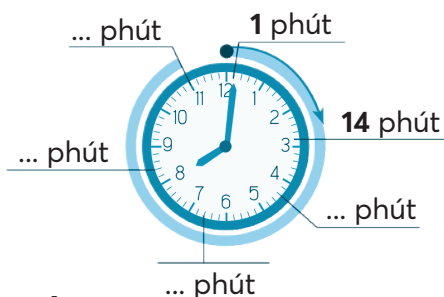
Con sâu dài 2 cm 5 mm.

4 chú kiến nâu xếp nối đuôi thành một hàng dọc thì con sâu.



XEM ĐỒNG HỒ

Đếm thêm 1 theo chiều mũi tên rồi viết số vào chỗ chấm.



Số?



8 giờ 4 phút



... giờ phút



... giờ phút



8 giờ 33 phút *hay*
9 giờ kém 27 phút



... giờ phút *hay*
... giờ kém phút



... giờ phút *hay*
... giờ kém phút

1 Viết cách đọc giờ.

.....



.....

hay.....



hay.....

hay.....



hay.....

2 Vẽ kim phút để phù hợp cách đọc giờ.

a) 3 giờ 21 phút



b) 7 giờ 54 phút



c) 11 giờ kém 18 phút



1 Nói đồng hồ phù hợp với cách đọc.



3 giờ kém 12 phút

3 giờ 18 phút



10 giờ 3 phút

10 giờ 21 phút



2 Nói các đồng hồ chỉ cùng thời gian trong buổi chiều.



3 Viết vào chỗ chấm.

Bắt đầu vẽ lúc:



Vẽ xong tranh lúc:

3A



3B



a) Chúng em bắt đầu vẽ lúc giờ.

b) Lớp 3A vẽ xong lúc giờ phút.

Lớp 3B vẽ xong lúc giờ phút.

c) Thời gian lớp vẽ nhanh hơn lớp là phút.

CHIA SỐ CÓ BA CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

Viết vào chỗ chấm.

$$\begin{array}{r} 136 \quad | \quad 4 \\ 12 \quad | \quad 34 \\ \hline 16 \\ 16 \\ \hline 0 \end{array}$$

$$136 : 4 = ?$$

- 13 chia 4 được 3, viết 3.
3 nhân 4 bằng ...; ... trừ ... bằng ...
- Hạ 6, được ...; 16 chia 4 được ..., viết ...
... nhân ... bằng ...; ... trừ ... bằng ...

$$136 : 4 = \dots\dots$$

$$\begin{array}{r} 362 \quad | \quad 3 \\ 3 \quad | \quad 120 \\ \hline 06 \\ 6 \\ \hline 02 \\ 0 \\ \hline 2 \end{array}$$

$$362 : 3 = ?$$

- 3 chia 3 được 1, viết 1.
... nhân ... bằng ...; ... trừ ... bằng ...
- Hạ ...; 6 chia 3 được ..., viết ...
... nhân ... bằng ...; ... trừ ... bằng ...
- Hạ ...; 2 chia 3 được ..., viết ...
... nhân ... bằng ...; ... trừ ... bằng ...

$$362 : 3 = \dots\dots (\text{dư } \dots)$$

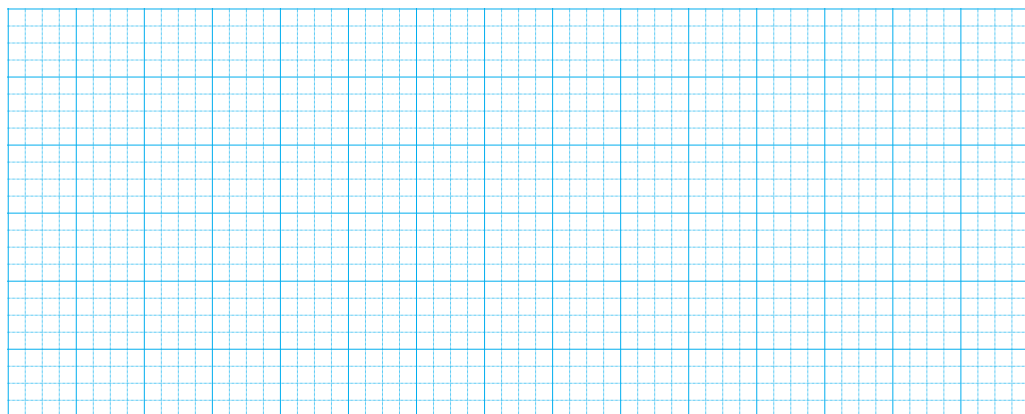
1 Đặt tính rồi tính.

a) $632 : 7$

$407 : 8$

b) $840 : 6$

$720 : 4$



2 Tính (theo mẫu).

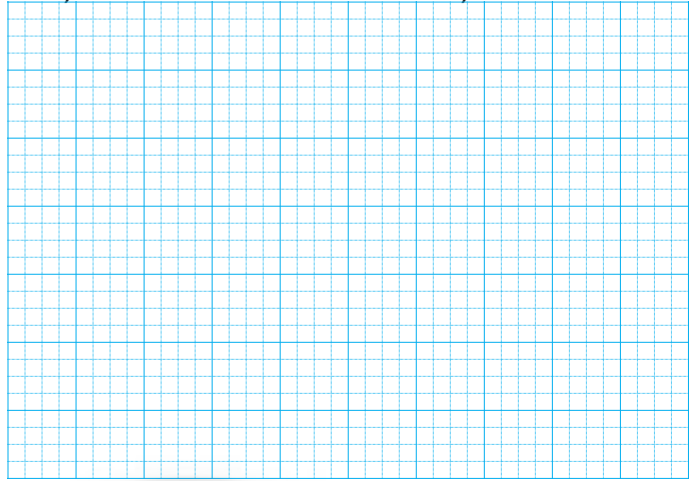
Mẫu: $312 : 3$

$$\begin{array}{r} 312 \overline{) 3} \\ \underline{3} \\ 01 \\ \underline{0} \\ 12 \\ \underline{12} \\ 0 \end{array}$$

$$312 : 3 = 104$$

a) $816 : 8$

b) $620 : 6$



1 Tính nhẩm.

a) $210 : 7 = \dots\dots$

b) $540 : 9 = \dots\dots$

c) $360 : 6 = \dots\dots$

$100 \times 9 = \dots\dots$

$800 \times 0 = \dots\dots$

$480 : 8 = \dots\dots$

2 Số?

a) $\dots\dots \text{ dm} = 1 \text{ m}$

b) $\dots\dots \text{ cm} = 1 \text{ m}$

c) $1 \text{ giờ} = \dots\dots \text{ phút}$

$320 \text{ dm} = \dots\dots \text{ m}$

$700 \text{ cm} = \dots\dots \text{ m}$

$5 \text{ giờ} = \dots\dots \text{ phút}$

3 Viết vào chỗ chấm.

Bạn Bình vẽ tranh trong 45 phút, bạn An vẽ tranh trong 1 giờ.

a) Bạn vẽ lâu hơn bạn là phút.

b) Bạn vẽ nhanh hơn bạn là phút.

4 Đánh dấu (✓) vào phép chia có thương là số tròn chục.

a) $720 : 7$ ○

b) $633 : 9$ ○

c) $804 : 5$ ○

$881 : 8$ ○

$180 : 6$ ○

$196 : 4$ ○

5 Tính.

a) $(815 - 234) : 7$

b) $109 \times 9 + 18$

c) $190 \times 0 : 8$

d) $444 : (3 \times 2)$

=

=

=

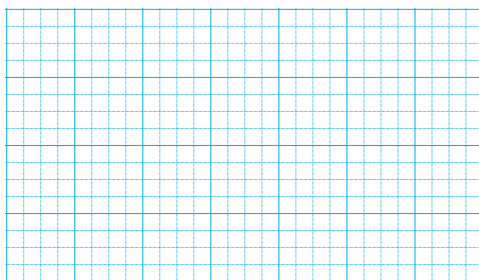
=

6

Đề trang trí hộp quà, Ngọc cắt 6 m dây thành 8 sợi dây có độ dài bằng nhau. Hỏi mỗi sợi dây dài bao nhiêu xăng-ti-mét?



Bài giải

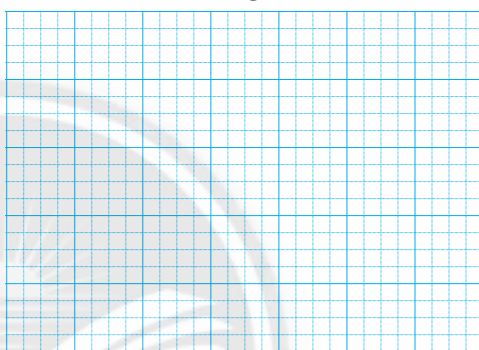


7

Ông Bảy thả đều 188 con cá vào 5 bể cá. Số cá còn dư, ông thả luôn vào bể cuối cùng. Hỏi bể cuối cùng có bao nhiêu con cá?



Bài giải

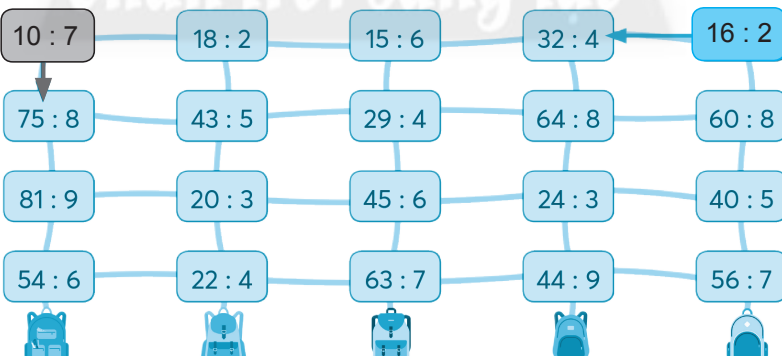


Làm dấu (→) giúp các bạn tìm ba lô.

(Mai đi theo các phép chia có dư, Bình đi theo các phép chia hết.)



Mai



Bình

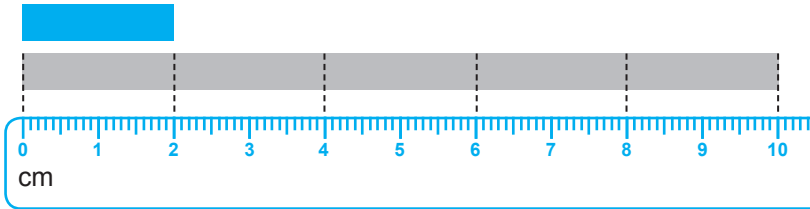


Tìm hiểu nội dung trong SGK. Viết số vào chỗ chấm.

- Sải cánh chim thiên nga dài cm.
- Mỗi ngày chim thiên nga bay được km.

SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ

Viết vào chỗ chấm.



Băng giấy màu xám dài gấp băng giấy màu xanh.

Muốn biết số lớn gấp mấy lần số bé, ta lấy

1 Số?

Số chấm tròn màu xanh
gấp mấy lần số chấm
tròn màu đen?



..... lần



..... lần



..... lần

1 Viết vào chỗ chấm.

a) Số lớn: 24 giờ

Số bé: 8 giờ

$$24 : 8 = \dots$$

Số lớn gấp ... lần
số bé.

b) Số lớn: 40 kg

Số bé: 8 kg

.....

Số lớn
.....

c) Số lớn: 72 cm

Số bé: 9 cm

.....

Số lớn
.....

2 Giải bài toán theo tóm tắt sau.

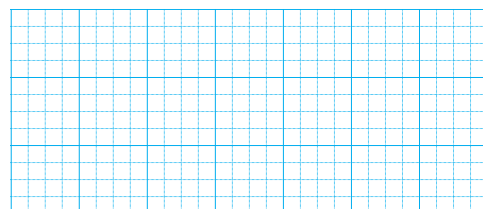
Tóm tắt

Mẹ: 36 tuổi.

Con: 9 tuổi.

Tuổi mẹ gấp mấy lần tuổi con?

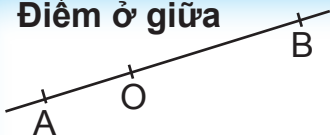
Bài giải



ĐIỂM Ở GIỮA TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

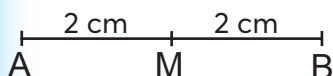
Viết vào chỗ chấm.

• Điểm ở giữa



A, O, B là ba điểm
O là điểm hai điểm A và B.

• Trung điểm của đoạn thẳng



M là điểm hai điểm A và B.

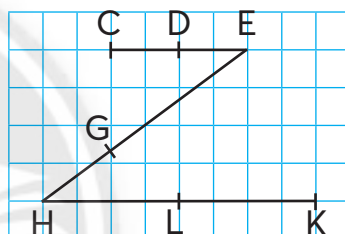
$$MA = MB.$$

M là của đoạn thẳng AB.

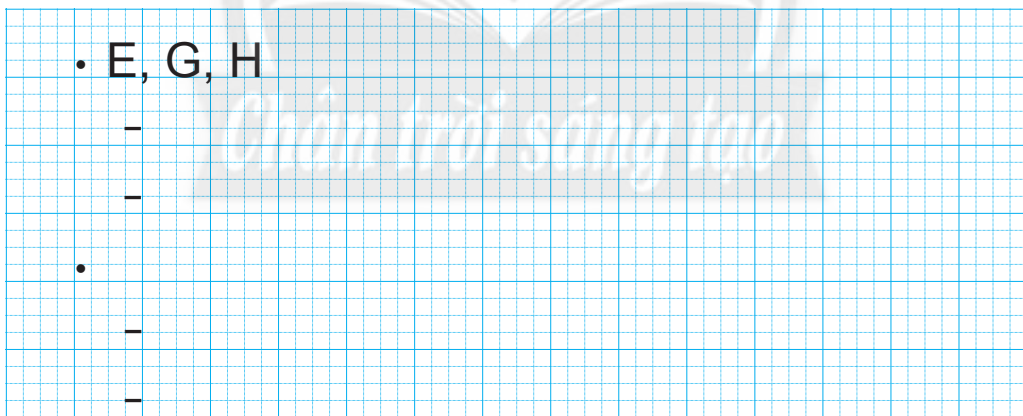
1 Quan sát hình ảnh, viết theo mẫu.

Mẫu: C, D, E là ba điểm thẳng hàng.

- D là điểm nằm giữa hai điểm C và E.
- D là trung điểm của đoạn thẳng CE.



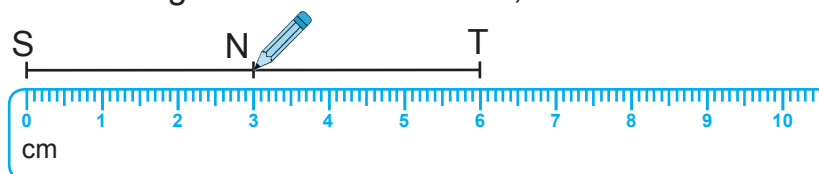
• E, G, H



2 a) Quan sát hình dưới đây, viết vào chỗ chấm.

N là trung điểm của đoạn thẳng ST vì:

N là điểm nằm giữa hai điểm ... và ...; $SN = \dots$



b) Vẽ đoạn thẳng AB dài 10 cm, xác định trung điểm M của đoạn thẳng AB.

3 Làm theo nội dung SGK.

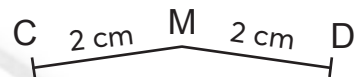
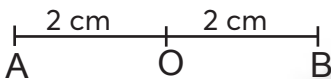
1 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

a) O là trung điểm của đoạn thẳng AB.

b) M là trung điểm của đoạn thẳng CD.

c) K là điểm ở giữa hai điểm P và Q.

d) K là trung điểm của đoạn thẳng PQ.

☐
☐
☐
☐


2 Nói (theo mẫu).

Vị trí lều của các bạn: Việt, Nam, Hoà, Hưng, Thịnh
theo thứ tự là trung điểm

của các đoạn thẳng: AD, BC, DC, AB, SU.

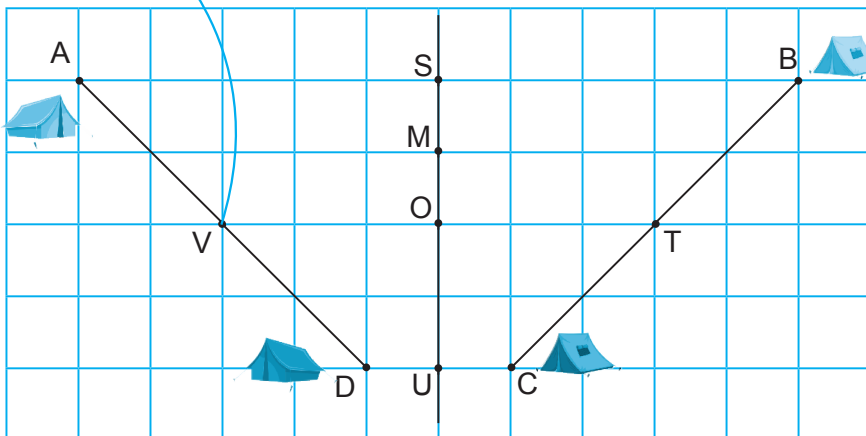
Việt

Nam

Hoà

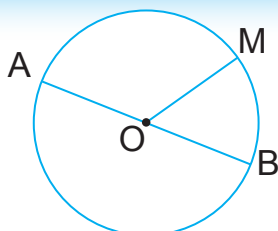
Hưng

Thịnh



HÌNH TRÒN

Viết vào chỗ chấm.

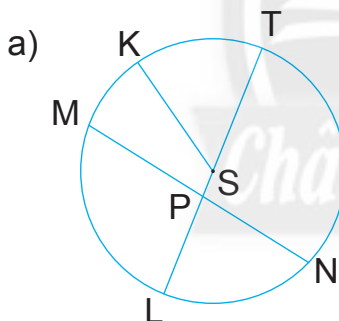


Hình tròn tâm ...,
..... OM,
..... AB.

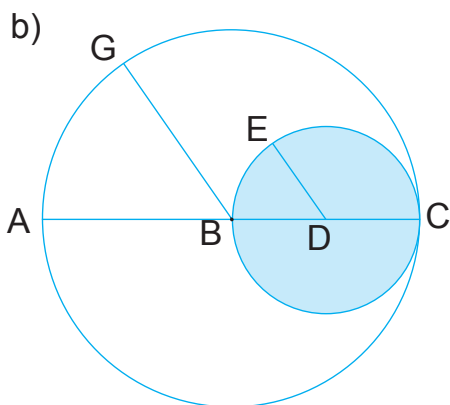
Trong một hình tròn:

- Các bán kính dài nhau.
- Tâm là trung điểm của
- Đường kính dài gấp ... lần bán kính.

1 Viết vào chỗ chấm.



Hình tròn tâm ...
Các bán kính
Đường kính

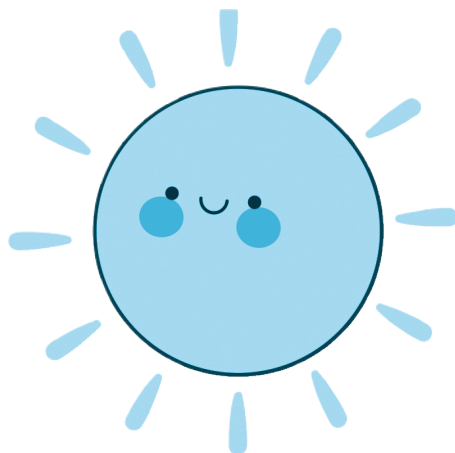
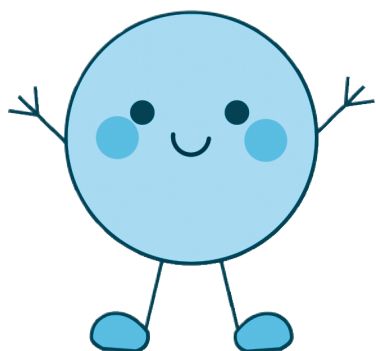


Hình tròn tâm ...
Các bán kính
Đường kính

Hình tròn tâm ...
Các bán kính
Đường kính

2 Vẽ em bé và ông mặt trời.

Mẫu:



1 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

Trong một hình tròn:

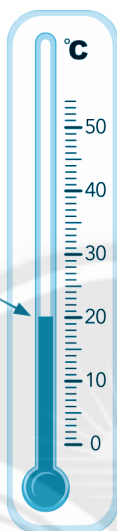
- a) Chỉ có một bán kính và một đường kính. ☐
- b) Có nhiều bán kính và nhiều đường kính. ☐
- c) Các đường kính dài bằng nhau. ☐
- d) Đường kính dài gấp 2 lần bán kính. ☐

NHIỆT ĐỘ. ĐO NHIỆT ĐỘ

Viết vào chỗ chấm.

- Dùng nhiệt kế để đo
- Đơn vị đo nhiệt độ là

Nhiệt kế đang chỉ 20 °C



Nhiệt độ ở ngoài sân.

..... °C



Nhiệt độ trong một phòng học.

..... °C



Nhiệt độ nước đóng băng.

..... °C

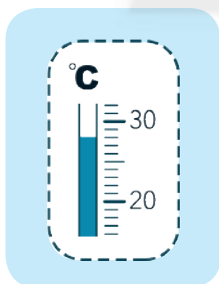


1 Đọc rồi viết nhiệt độ (theo mẫu).

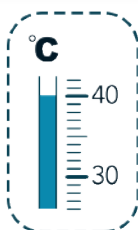
Mẫu:

a)

b)



28 °C



..... °C



..... °C

2 Đo nhiệt độ trong phòng học, ngoài phòng học rồi viết nhiệt độ vào chỗ chấm.

Trong phòng học: °C;

Ngoài phòng học: °C.

EM LÀM ĐƯỢC NHỮNG GÌ?

- 1 Chọn bộ ba số thích hợp; viết các phép tính trong các bảng nhân, chia đã học (theo mẫu).

Mẫu: 3, 18, 6

$$3 \times 6 = 18 \quad 18 : 3 = 6$$

$$6 \times 3 = 18 \quad 18 : 6 = 3$$



Chọn ba số:

Viết phép tính:

- 2 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

a)
$$\begin{array}{r} 45 \\ \times 2 \\ \hline 90 \end{array}$$

☐

b)
$$\begin{array}{r} 128 \\ \times 3 \\ \hline 364 \end{array}$$

☐

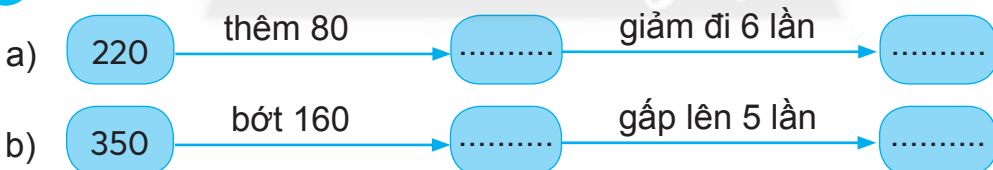
c)
$$\begin{array}{r} 96 \\ 6 \overline{) 6} \\ \underline{36} \\ 36 \\ \underline{0} \end{array}$$

☐

d)
$$\begin{array}{r} 869 \\ 8 \overline{) 8} \\ \underline{069} \\ 64 \\ \underline{5} \end{array}$$

☐

- 3 Số?



- 4 Nói đồng hồ phù hợp với cách đọc.

A. 15 giờ 6 phút
hay 3 giờ 6 phút chiều



B. 10 giờ 53 phút
hay 11 giờ kém 7 phút

C. 18 giờ 22 phút
hay 6 giờ 22 phút chiều

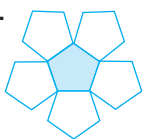


D. 16 giờ 45 phút
hay 17 giờ kém 15 phút

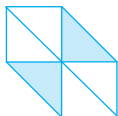
5 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Đã tô màu $\frac{1}{4}$ của hình nào?

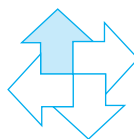
A.



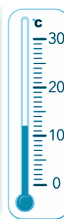
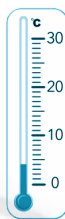
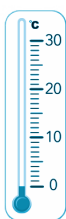
B.



C.



b) Trong ba địa điểm sau, nơi lạnh nhất là:



A. Mẫu Sơn
(Lạng Sơn)

B. Bạch Mã
(Thừa Thiên – Huế)

C. Đà Lạt
(Lâm Đồng)

c) O là trung điểm của đoạn thẳng:



A. PN

B. ON

C. MN



Trò chơi **Ô số thú vị**

(Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK.)

Xuất phát



THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

GIỜ GIẤC – THỜI TIẾT

1. Trò chơi *Xoay nhanh – Xoay đúng*

(Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK.)



Xuất phát	1 : 10	3 : 12	5 : 20	12 : 45	4 : 36
					8 : 15
Tiến 2 ô	9 : 35	21 : 05	15 : 50	7 : 47	Lùi 2 ô
20 : 24	Chân trời sáng tạo				
6 : 55	14 : 03	18 : 25	Tiến 3 ô	11 : 59	17 : 40
					13 : 30
Về đích	2 : 53	19 : 22	10 : 01	Tiến 3 ô	16 : 00

2. Em tập làm người dẫn chương trình “Dự báo thời tiết”.

Các nhóm tìm hiểu nội dung trong SGK, thảo luận rồi viết các nội dung cần trình bày.

HÀ NỘI 26 °C – 32 °C  Mưa rào và giông	HUẾ 26 °C – 36 °C  Có lúc mưa rào	ĐÀ NẴNG 26 °C – 35 °C  Ngày nắng nóng, đêm không mưa
TÂY NGUYÊN 22 °C – 30 °C  Có mây, ngày không mưa	THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 25 °C – 33 °C  Chiều tối mưa rào và giông	MIỀN TÂY NAM BỘ 26 °C – 33 °C  Chiều tối mưa rào và giông

Tham khảo phần trình bày sau:

Sau đây là bản tin dự báo thời tiết của Đài truyền hình Lớp

- Ngày hôm nay, Thủ đô Hà Nội có mưa rào và giông rải rác.
- Nhiệt độ ngoài trời thấp nhất là, cao nhất là
- Thời tiết nói chung là mát mẻ.
- Tuy nhiên, khi đi ra ngoài chúng ta cần lưu ý mang theo để đề phòng những cơn mưa bất ngờ.

ÔN TẬP HỌC KÌ 1

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000

1

a) Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

Các số sau được đọc là:

275: Hai trăm bảy mươi lăm.

☐

609: Sáu trăm linh chín.

☐

121: Một trăm hai mươi một.

☐

584: Năm trăm tám mươi tư.

☐

930: Chín ba không.

☐

b) **Viết số.**

Đọc số	Viết số
Bốn trăm bảy mươi một	
Tám trăm linh một	
Sáu mươi lăm	
Một nghìn	

c) **Viết mỗi số thành tổng các trăm, chục, đơn vị.**

748 =

805 =

160 =

2

a) $>, <, =$

$$574 \square 702$$

$$465 \square 461$$

$$683 \square 600 + 80 + 3$$

$$236 \square 98$$

$$157 \square 170$$

$$1\ 000 \square 900 + 90 + 9$$

b) So sánh các số dưới đây và viết vào chỗ chấm.

(So sánh các chữ số từ hàng trăm, hàng chục đến hàng đơn vị.)

4 0 1
3 2 5
3 2 9
8 7

– Số bé nhất là:

– Số lớn nhất là:

– Sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn:

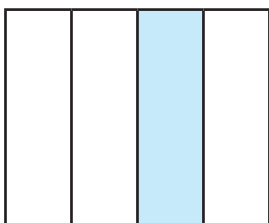
.....

c) Tô màu vàng vào ô có số lớn nhất, tô màu xanh vào ô có số bé nhất trong các số sau.

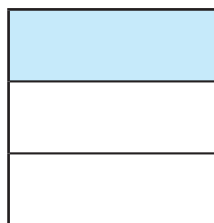


3

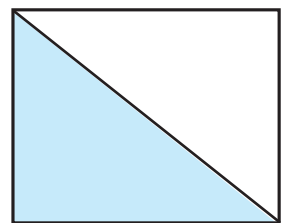
Đã tô màu $\frac{1}{2}$ của hình nào?



Hình A



Hình B



Hình C



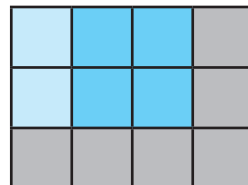
Màu gì?

Hình chữ nhật sau được tô theo ba màu *xanh đậm*, *xanh nhạt* và *xám*.

Đã tô $\frac{1}{6}$ số ô vuông của hình bằng màu

Đã tô $\frac{1}{3}$ số ô vuông của hình bằng màu

Đã tô $\frac{1}{2}$ số ô vuông của hình bằng màu



4 a) Làm tròn số đến hàng chục.

- Ví dụ: 31, 32, 33, 34 $\xrightarrow{\text{Làm tròn số đến hàng chục}}$ 30
35, 36, 37, 38, 39 $\xrightarrow{\text{Làm tròn số đến hàng chục}}$ 40

• Số?

Làm tròn số 17 đến hàng chục thì được số

Làm tròn số 435 đến hàng chục thì được số

Làm tròn số 384 đến hàng chục thì được số

b) Làm tròn số đến hàng trăm.

- Ví dụ: 706, 716, 725, 738, 742 $\xrightarrow{\text{Làm tròn số đến hàng trăm}}$ 700
751, 764, 770, 783, 797 $\xrightarrow{\text{Làm tròn số đến hàng trăm}}$ 800

• Số?

Làm tròn số 854 đến hàng trăm thì được số

Làm tròn số 947 đến hàng trăm thì được số

Làm tròn số 370 đến hàng trăm thì được số



Số?

Một con mực ống khổng lồ nặng 495 kg. Nếu làm tròn số đến hàng trăm thì ta nói:

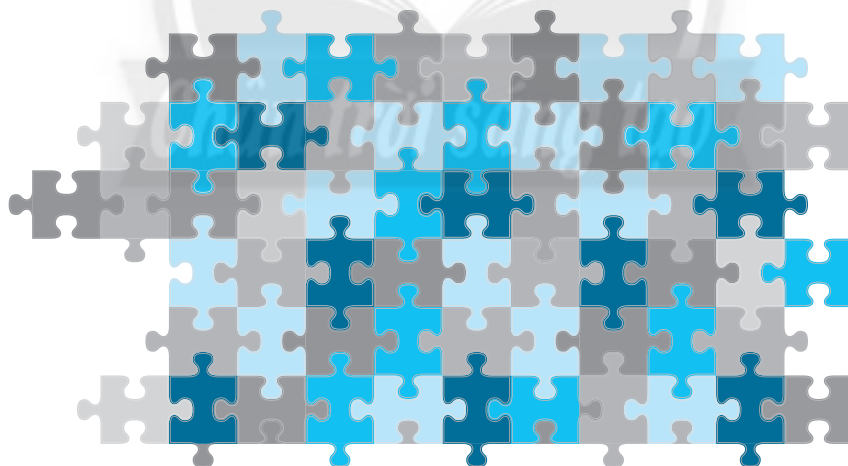
Con mực này nặng khoảng kg.



5 Số?

- a) Số 387 gồm trăm, chục và đơn vị.
- b) Số liền sau của 799 là:
- c) Số tròn chục lớn hơn 25 nhưng bé hơn 35 là:
- d) Số có hai chữ số, làm tròn đến hàng chục thì được số 30 là:

6 Hình sau có bao nhiêu mảnh ghép?



Ước lượng: Có khoảng mảnh ghép.

Đếm: Có mảnh ghép.



Trò chơi **Bảng nhân và thứ tự**

(Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK.)

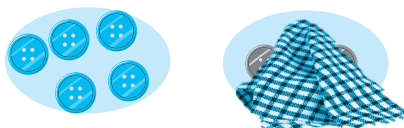
ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH

1 Viết vào chỗ chấm: *tổng* hay *hiệu*.

- a) Để tìm tất cả số cúc áo, ta tính



- b) Biết số cúc áo cả hai màu xanh, xám và biết số cúc áo màu xanh. Để tìm số cúc áo màu xám, ta tính



- c) Để tìm số cúc áo màu xanh nhiều hơn số cúc áo màu xám, ta tính



2 Viết vào chỗ chấm: *tích* hay *thương*.

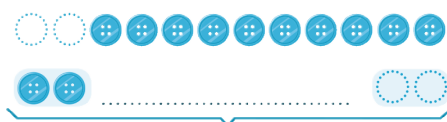
- a) Để tìm tất cả số cúc áo, ta nên tính



- b) Chia đều số cúc áo cho các bạn. Để biết mỗi bạn được bao nhiêu cúc áo, ta tính



- c) Chia cho mỗi bạn số cúc áo bằng nhau, để tìm số bạn được chia, ta tính



3 Số?

a)

Số học sinh khối lớp 2	245
Số học sinh khối lớp 3	280
Số học sinh cả hai khối	
Số học sinh khối 2 ít hơn khối 3	

b)

Số học sinh của lớp	34
Số học sinh ở 1 bàn	2
Số học sinh ở 8 bàn	
Số học sinh ở 17 bàn	

4 Số?

Số bé:

Số lớn:

a) Số bé gấp lên lần thì được số lớn.

b) Số lớn giảm đi lần thì được số bé.

c) Số lớn gấp lần số bé.

5 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

Số lớn gấp 3 lần số bé và số lớn hơn số bé 8 đơn vị.

Số lớn và số bé lần lượt là:

A. 6 và 2

B. 10 và 2

C. 12 và 4

6 Tính nhẩm.

a) $20 + 530 = \dots\dots\dots$

b) $690 - 70 = \dots\dots\dots$

c) $90 \times 6 = \dots\dots\dots$

d) $270 : 3 = \dots\dots\dots$

7 Đặt tính rồi tính.

a) 172×4

b) $785 : 8$

8 Số?

a) $610 + \dots = 970$

b) $4 \times \dots = 80$

c) $\dots : 3 = 70$

9 Tính giá trị biểu thức.

a) $493 - 328 + 244$

b) $210 : 6 \times 5$

c) $36 + 513 : 9$

d) $2 \times (311 - 60)$

10 Khoanh vào chữ cái trước ý trả lời đúng.

a) Một số khi nhân với 1 thì bằng:

A. 1

B. 0

C. chính số đó.

b) Một số khi nhân với 0 thì bằng:

A. 1

B. 0

C. chính số đó.

c) Giá trị của biểu thức $3 \times (27 - 27)$ là:

A. 1

B. 0

C. 54

d) Lớp em sử dụng loại bàn 2 chỗ ngồi (mỗi bàn có 1 hoặc 2 bạn).
Để 35 bạn đủ chỗ ngồi thì cần ít nhất là:

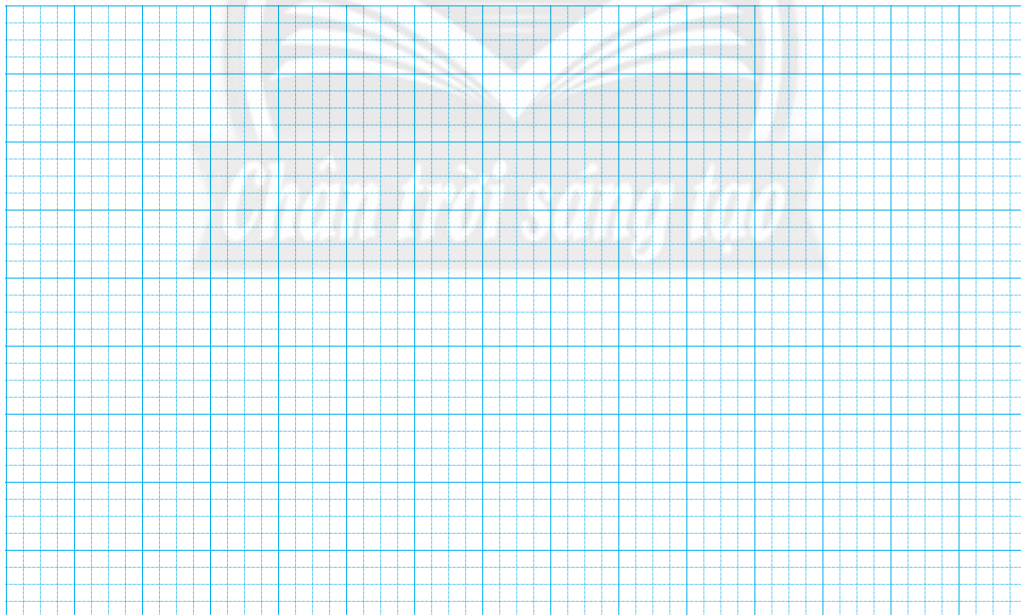
A. 17 cái bàn.

B. 18 cái bàn.

C. 35 cái bàn.

11

Lớp em dự định tặng mỗi bạn học sinh có hoàn cảnh khó khăn một túi quà gồm 2 quyển sách và 5 quyển vở. Số sách sẽ tặng là 52 quyển. Hỏi để chuẩn bị đủ các túi quà, lớp em cần có bao nhiêu quyển vở?



Trò chơi **Ai thuộc bảng nhân?**

(Thực hiện theo hướng dẫn trong SGK.)

ÔN TẬP HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

1 Quan sát các hình bên.

- a) Gọi tên các hình.
- b) Đánh dấu (✓) vào hình có đúng 4 đỉnh, 4 cạnh.
- c) Khoanh vào hình có 12 cạnh, 6 mặt.



2 Vẽ hình chú gà con.



3 Số?

$$\dots\dots \text{ dm} = 1 \text{ m}$$

$$\dots\dots \text{ cm} = 1 \text{ dm}$$

$$\dots\dots \text{ mm} = 1 \text{ cm}$$

$$1 \text{ km} = \dots\dots \text{ m}$$

$$1 \text{ m} = \dots\dots \text{ cm}$$

$$1 \text{ m} = \dots\dots \text{ mm}$$

4 **Viết vào chỗ chấm: ki-lô-mét, mét, xăng-ti-mét hay mi-li-mét.**

- Nên đo chiều dài sân bóng rổ theo đơn vị
- Nên đo chiều dài của con kiến theo đơn vị
- Nên đo chiều cao của em theo đơn vị
- Nên đo khoảng cách giữa hai thành phố theo đơn vị



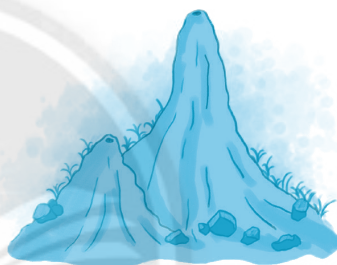
Viết vào chỗ chấm: cao hơn hay thấp hơn.



Em hãy so sánh chiều
cao của tòa nhà
và tổ mối.



Tòa nhà này có 2 tầng, mỗi tầng cao 360 cm, mái nhà cao 200 cm.



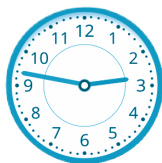
Tổ mối châu Phi có thể cao 9 m.

Tòa nhà tổ mối.

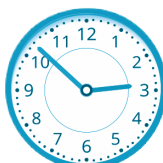
5 **Số?**



..... giờ
..... phút



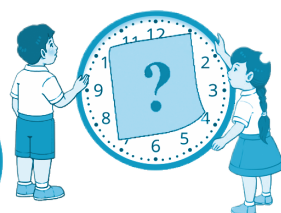
..... giờ
..... phút



..... giờ
..... phút

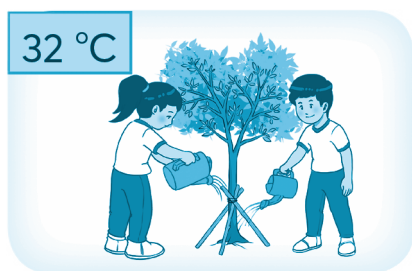


..... giờ
..... phút



..... giờ
..... phút

6 Nối nhiệt kế phù hợp với hình ảnh.



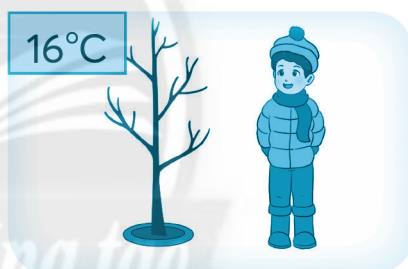
Hình 1



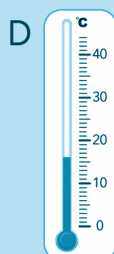
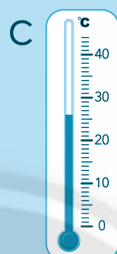
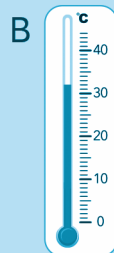
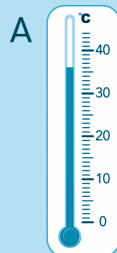
Hình 2



Hình 3



Hình 4



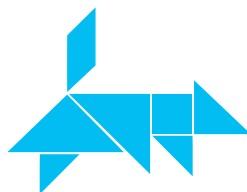
7 Em chọn một con vật dưới đây rồi xếp hình.



Con lạc đà



Con chuột túi



Con chó sói



Con gấu

ÔN TẬP: THỐNG KÊ CÓ THỂ, CHẮC CHẮN, KHÔNG THỂ

1 Thống kê các dụng cụ học tập.

a) Thu thập

Một số dụng cụ vẽ tranh của bạn Lâm.



b) Phân loại

Có thể phân loại như sau:

Bút chì – Bút sáp – Dụng cụ gọt bút chì – Cục tẩy (cục gôm).

c) Kiểm đếm

- Có bút chì.
- Có bút sáp.
- Có dụng cụ gọt bút chì.
- Có cục tẩy.

d) Biểu đồ tranh

Dụng cụ vẽ tranh của Lâm

😊😊	😊😊 😊😊 😊😊 😊😊 😊😊 😊😊 😊😊 😊😊	😊	😊😊
Bút chì	Bút sáp	Dụng cụ gọt bút chì	Cục tẩy

Mỗi 😊 thể hiện một dụng cụ.

Viết vào chỗ chấm: Nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau, nhiều nhất hay ít nhất.

- Số bút sáp
- Số dụng cụ gọt bút chì
- Số bút chì và số cục tẩy
- Số bút sáp số bút chì.
- Số cục tẩy số bút sáp.

Số?

- Số bút sáp gấp lần số bút chì.
- Số cục tẩy gấp lần số dụng cụ gọt bút chì.

2 Viết vào chỗ chấm: Có thể, chắc chắn hay không thể.

Ba hộp quà đây kín, đựng ba con thú bông khác nhau: mèo, chó, thỏ. Dững chọn một hộp quà bất kì. Hộp Dững chọn:

- a) có xe đồ chơi.
- b) có một con thú bông.
- c) có thỏ bông.



THỰC HÀNH VÀ TRẢI NGHIỆM

ĐO KHOẢNG CÁCH BẰNG BƯỚC CHÂN

Số?

1. Một bước chân của em dài khoảng bao nhiêu xăng-ti-mét?

- Em bước đi tự nhiên, bình thường (không cố bước dài).
- Làm dấu rồi dùng thước đo độ dài một bước chân của em (khoảng cách từ mũi bàn chân phải đến mũi bàn chân trái của một bước đi).
- Ghi lại số đo một bước chân của em theo xăng-ti-mét.

Một bước chân của em dài khoảng cm.



2. Khoảng mấy bước chân của em thì được 1 m?

Có thể thực hiện như sau: Lấy số đo 1 bước chân nhân với 3 rồi làm tròn kết quả đến hàng trăm.

Ví dụ: 1 bước chân của em dài 35 cm.

$$35 \times 3 = 105$$

Làm tròn số 105 đến hàng trăm thì được số 100.

$$100 \text{ cm} = 1 \text{ m}$$

Vậy khoảng 3 bước chân của em thì được 1 m.

→ Khoảng bước chân của em thì được 1 m.

3. Đo một số khoảng cách bằng bước chân để biết được các số đo này khoảng bao nhiêu mét.

- Chiều rộng của phòng học: bước chân, khoảng m.
- Chiều dài của phòng học: bước chân, khoảng m.
- Các nhóm trình bày trước lớp.



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ VỞ BÀI TẬP LỚP 3 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 3 – TẬP MỘT
2. Vở bài tập
TIẾNG VIỆT 3 – TẬP HAI
3. TẬP VIẾT 3
4. Vở bài tập
TOÁN 3 – TẬP MỘT
5. Vở bài tập
TOÁN 3 – TẬP HAI
6. TIẾNG ANH 3 Family and Friends
(National Edition), Workbook
7. Vở bài tập
TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 3
8. Vở bài tập
CÔNG NGHỆ 3
9. Vở bài tập
TIN HỌC 3
10. Vở bài tập
ĐẠO ĐỨC 3
11. Vở bài tập
ÂM NHẠC 3
12. Vở bài tập
MĨ THUẬT 3 (BẢN 1)
13. Vở bài tập
MĨ THUẬT 3 (BẢN 2)
14. Vở bài tập
HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM 3 (BẢN 1)

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
 - **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
 - **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
 - **Cửu Long:** CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long
- Sách điện tử:** <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.



ISBN 978-604-0-31964-7



9 786040 319647

Giá: 16.000 đ